TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HS-PT
Ngày: 11/02/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Thảo;

Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1132/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo: Trần Thanh B, phạm tội *"Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và "Giả mạo trong công tác"*. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: Trần Thanh B, sinh ngày 19/5/1968 tại Hà Nội; nơi cư trú: Số nhà B, tổ A, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Điện lực Cao Phong; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Vũ Thị N; vợ là Đỗ Thị Thúy H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Luật sư Phạm Duy B1, văn phòng luật sư Phạm H thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt tại phiên toà.

- *Nguyên đơn dân sự (không có kháng cáo)*: Công ty Điện lực Hòa Bình; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng P - Giám đốc. Vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Điện lực Cao Phong được thành lập theo Quyết định 1888/QĐ-EVNNPC ngày 27/6/2016 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc về việc sáp nhập Điện lực Tân Lạc vào Điện lực Cao Phong trực thuộc Công ty Điện lực Hòa Bình. Là đơn vị trực tiếp thực hiện chức năng quản lý vận hành lưới điện trung áp, hạ áp và

các thiết bị có liên quan; tổ chức kinh doanh điện năng, dịch vụ khách hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo phân cấp của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc, của Công ty Điện lực Hòa Bình. Có nhiệm vụ kinh doanh bán điện và dịch vụ khách hàng trên địa bàn được giao quản lý theo quy định của pháp luật và quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (viết tắt là EVN), Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (viết tắt là EVNNPC), Công ty Điện lực Hòa Bình (viết tắt PCHB); Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống lưới điện trung áp và hạ áp tại địa bàn được giao theo quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ của EVN, EVNNPC, PCHB và Điện lực Cao Phong; Phối hợp thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, phát triển lưới điện, phát triển khách hàng trên địa bàn quản lý theo phân công, phân cấp của EVNNPC, PCHB; Tham gia công tác chuẩn bị sản xuất, nghiệm thu, bàn giao đối với các công trình mới được đưa vào vận hành theo phân cấp của EVNNPC, PCHB; Quản lý vận hành, sửa chữa hệ thống Viễn thông và Công nghệ thông tin trong đơn vị và trên địa bàn quản lý theo phân công, phân cấp của EVNNPC, PCHB và các nhiệm vụ khác. Tổ chức, bộ máy của Điện lực Cao Phong gồm: Giám đốc; Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật và Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh; Các Phòng chuyên môn gồm Phòng Tổng hợp, Phòng Kỹ thuật hình sựinh doanh, Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch - Kỹ thuật và an toàn; Các tổ/đội sản xuất gồm Tổ kiểm tra, giám sát mua bán điện; Tổ trực vận hành; Đội quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp khu vực C (sau này được đổi tên thành Đội Quản lý vận hành số A); Đội quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp khu vực T (sau này được đổi tên thành Đội Quản lý vận hành số B3).

1. Hành vi "Giả mạo trong công tác" của Trần Thanh B, Đoàn Anh Đ, Bùi Viết T.

Căn cứ Quyết định 508/QĐ-PCHB ngày 27/4/2015 của Công ty Điện lực Hòa Bình về việc Ban hành Quy trình tổ chức thực hiện kế hoạch sửa chữa thường xuyên; Quyết định 959/QĐ-EVN ngày 09/8/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc Ban hành Quy trình an toàn điện trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Quyết định 959/QĐ-EVN ngày 15/7/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc Ban hành Quy trình an toàn điện trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Quyết định 881/QĐ-EVN ngày 15/7/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc Ban hành Quy trình an toàn thủy, cơ, nhiệt, hóa trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Văn bản số 2945/EVNNPC-AT ngày 15/7/2019 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc về việc Hướng dẫn thực hiện Quy trình an toàn điện và triển khai mẫu sổ mới.

Khi Công ty Điện lực Hòa Bình có Quyết định về việc đăng ký hạng mục sửa chữa thường xuyên lưới điện, Quyết định về việc bổ sung danh mục hạng mục sửa chữa thường xuyên hàng năm, Điện lực Cao P1 lập Phương án kỹ thuật và dự toán công trình, hạng mục trình duyệt theo phân cấp. Sau khi Công ty Điện lực Hòa Bình có Quyết định phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán; Quyết định về việc giao nhiệm vụ thi công cho Điện lực Cao Phong. Theo quy định việc tổ chức triển khai hạng mục sửa chữa thường xuyên do cán bộ công

nhân viên thuộc Điện lực Cao Phong thực hiện. Tuy nhiên, trên thực tế Trần Thanh B cho chủ trương thuê lao động phổ thông thi công các công trình sửa chữa thường xuyên và đã trực tiếp thỏa thuận với Bùi Văn P2, đại diện nhóm lao động phổ thông, không có cấp bậc thợ, chưa được huấn luyện, sát hạch về an toàn điện thi công toàn bộ công trình, hạng mục theo hình thức khoán gọn hoặc thi công một phần theo hình thuê công nhật trái với các quy định của pháp luật có liên quan về an toàn điện. Sau đó, Trần Thanh B chỉ đạo Bùi Viết T, Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật, từ năm 2016 đến tháng 14/7/2020; Đoàn Anh Đ, Trưởng Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch - Kỹ thuật, an toàn từ năm 2012 đến 14/7/2020 và là Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật, từ 15/7/2020 đến 04/3/2024 tổ chức thi công xây, lắp 45 Công trình sửa chữa thường xuyên; bổ sung, thay thế 68 vị trí cột điện, đường dây 0,4 KV; kéo bổ sung dây dẫn, nâng tiết diện 10 hạng mục đường dây 0,4 KV cho Điện lực Cao Phong giai đoạn 2019 đến 2022 trái với quy định về an toàn lao động. Trong đó có 43 công trình trong kế hoạch sửa chữa thường xuyên, được Công ty Điện lực Hòa Bình giao nhiệm vụ thi công, phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán; 02 công trình không trong kế hoạch sửa chữa thường xuyên, không được giao nhiệm vụ thi công, phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán, nhưng được cấp vật tư thu hồi; bổ sung, thay thế 68 vị trí cột điện, đường dây 0,4 KV; kéo bổ sung dây dẫn, nâng tiết diện 10 hạng mục cho đường dây 0,4 KV tương ứng với 29 hạng mục không đăng ký, đề nghị Công ty Điện lực Hòa Bình xét duyệt giao danh mục sửa chữa thường xuyên trước khi thực hiện; quá trình thực hiện nghiệm thu không báo cáo và nộp hồ sơ theo Quy trình tổ chức thực hiện kế hoạch sửa chữa thường xuyên. Để che giấu hành vi thuê lao động phổ thông thi công các công trình, hạng mục trái quy định, Bùi Viết T, Đoàn Anh Đ chỉ đạo cán bộ chuyên môn hợp thức hồ sơ phần thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình, hạng mục thuê lao động phổ thông thực hiện bằng thủ đoạn lập tài liệu giả là Phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn đối với các công trình, hạng mục khoán gọn; Nhật ký thi công; Biên bản nghiệm thu công việc; Bản vẽ hoàn công; Phiếu công tác của 08 công trình sản tải T10; 06 công trình nâng cao trình đường dây 35KV; 03 công trình thay dây hạ áp; 14 công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử; 12 Công trình thay thế thiết bị để báo cáo về Công ty Điện lực Hòa Bình. Cụ thể:

1.1. Thủ đoạn giả mạo trong xây lắp san tải các trạm biến áp (gồm 08 công trình)

[1] Các trạm biến áp thuê Tổ nhóm thợ lao động ngoài thi công một phần *(gồm 05 công trình)*: Căn cứ Quyết định phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán; Quyết định giao nhiệm vụ thi công cho Điện lực Cao Phong. Trần Thanh B cho chủ trương để các Đội Quản lý vận hành được giao nhiệm vụ thi công tự thuê lao động phổ thông là người địa phương thực hiện phần "Đào móng cột, rãnh tiếp địa", "Đào, đóng tiếp địa trạm biến áp" và giao Bùi Viết T chỉ đạo, quản lý việc thi công tại hiện trường. Ngày đầu thi công, Bùi Viết T chỉ đạo các bộ phận được phân công vận chuyển vật tư, vật liệu mới đến chân công trình bàn giao cho "Đơn vị công tác" tiếp nhận để thi công theo kế hoạch. Nhưng thực tế

vật tư, vật liệu được bàn giao cho nhóm lao động phổ thông để "đào hố, đúc móng cột và rãnh tiếp địa".

Để che giấu hạng mục "Đào móng cột, rãnh tiếp địa", "Đào, đóng tiếp địa trạm biến áp" do lao động phổ thông thực hiện đối với 05 công trình sửa chữa thường xuyên san tải các trạm biến áp, cụ thể: Trạm biến áp xóm B, xã N và Trạm biến áp T10, xã Đ, huyện T; Công trình san tải trạm biến áp Phong P3 và trạm biến áp tự dùng tinh bột sắn, xã P, huyện T; Công trình san tải trạm biến áp T10, xã T, huyện T; Công trình san tải trạm biến áp T, xã T, huyện T; Công trình san tải trạm biến áp T10, xã Đ, huyện T. Đoàn Anh Đ chỉ đạo cán bộ Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch - Kỹ thuật, an toàn là ông Nguyễn Đặng Thái L các tài liệu giả nội dung phản ánh thực tế thi công tại hiện trường.

Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Biểu 2: Nhật ký đào móng cột, rãnh tiếp địa"; "Biểu 3: Nhật ký đúc bê tông móng cột"; "Biên bản 01 nghiệm thu công việc xây dựng: Đào hố móng, đào rãnh tiếp địa trạm biến áp"; "Biên bản 02 nghiệm thu công việc xây dựng: Đúc bê tông móng cột, đóng cọc tiếp địa trạm biến áp", tất cả đều ký tên "Đơn vị thi công" - Đào T; "Giám sát thi công" - Lê Đình S; "Đơn vị quản lý" - Phó Giám đốc, Bùi Viết T.

[2] Các trạm biến áp thuê Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thi công toàn bộ các hạng mục *(gồm 03 công trình)* : Sau khi có Quyết định phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán, Quyết định giao nhiệm vụ thi công. Trần Thanh B trực tiếp đưa Bùi Văn P2 đến hiện trường thi công xem mặt bằng, khối lượng công việc để thỏa thuận tiền nhân công, thống nhất thời gian thực hiện. Thi công xong hạng mục đào rãnh tiếp địa, rải và đóng tiếp địa trạm biến áp; lắp xà, giá đỡ thiết bị, máy biến áp, tủ hạ thế và thiết bị kèm theo. Đến hạng mục lắp, đặt sứ, thiết bị, phụ kiện, đấu nối hoàn thiện thì Bùi Văn P2 thông báo cho Trần Thanh B biết. Trần Thanh B giao Bùi Viết T, chỉ đạo Đoàn Anh Đ, thời điểm đó là Trưởng Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch - Kỹ thuật, an toàn phối hợp với Triệu Thanh L1, Đội trưởng Đ4 và trạm biến áp khu vực C lập Phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn hạng mục "Lắp xà, sứ đấu nối hoàn thiện trạm biến áp mới" đối với công trình "San tải trạm biến áp Bệnh viện Đ5" và công trình "San tải trạm biến áp xóm T" cho trạm biến áp xóm T, xã B; giao Đoàn Anh Đ, thời điểm đã được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật chỉ đạo Triệu Thanh L1, thời điểm được bổ nhiệm chức vụ Trưởng Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch - Kỹ thuật, an toàn phối hợp với Nguyễn Xuân T1, Đội trưởng Đ4 và trạm biến áp khu vực C lập Phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn hạng mục "Lắp xà, sứ đấu nối hoàn thiện trạm biến áp mới" đối với công trình Khắc phục điện áp thấp khu vực xóm dài, thuộc đường dây 0,4KV - TBA 160KVA - 35/0,4KV xóm Môn trình ký theo phân cấp; đăng ký phương thức cắt điện với Công ty Điện lực Hòa Bình, để đấu nối trạm biến áp mới vào đường dây 35KV; đồng thời giao T, Đ chỉ đạo, bố trí nhân lực tổ chức phiên làm việc khi có thông báo lịch cắt điện. Triệu Thanh L1, lập phiên làm việc khi thực hiện công trình San tải trạm biến áp Bệnh viện Đ5 và công trình San tải trạm biến áp xóm T cho trạm biến áp xóm T, xã B; Nguyễn Xuân T1, lập phiên làm việc khi thực hiện công trình Khắc phục điện áp thấp khu vực xóm dài, thuộc đường dây 0,4KV -

TBA 160KVA - 35/0,4KV xóm Môn chuyển đến cán bộ an toàn chuyên trách tổng hợp cùng các nội dung công việc của toàn đơn vị để kiểm soát và đẩy lên phần mềm quản lý an toàn lao động. Trần Thanh B hoặc Trường/Đức duyệt các phiên làm việc theo kế hoạch tuần hoặc đăng ký phiên làm việc bổ sung. Buổi chiều hoặc tối ngày liền trước phiên làm việc, Triệu Thanh L1, Nguyễn Xuân T1 viết Phiếu công tác trên phần mềm quản lý an toàn lao động theo công trình được giao tổ chức thực hiện để Trần Thanh B hoặc Trường/Đức duyệt. Sau đó trực ca vận hành cấp số Phiếu công tác trên phần mềm, Triệu Thanh L1, Nguyễn Xuân T1 in Phiếu và ký dưới mục "Người cấp phiếu" chuyển "Người cho phép" làm thủ tục cho phép "Đơn vị công tác" vào làm việc. Đến hiện trường, "Đơn vị công tác" làm các biện pháp an toàn, chụp ảnh và đẩy ảnh các bước lên phần mềm ECP. Còn lại toàn bộ nội dung công việc ghi trên Phiếu công tác đều do Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện. Sau khi Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 hoàn thành công việc, "Nhân viên đơn vị công tác" kiểm tra lại công việc Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 đã thực hiện, tháo tiếp địa di động và các biện pháp an toàn, rút khỏi nơi làm việc. "Người chỉ huy trực tiếp" trả lại lưới điện cho "Người cho phép". "Người cho phép" cùng "Người chỉ huy trực tiếp" kiểm tra hiện trường, hoàn thiện thủ tục khóa Phiếu công tác. "Người cho phép" trả lại lưới điện đã tiếp nhận cho trực ca vận hành Điện lực Cao Phong để trả lưới điện nhận bàn giao từ trực ca điều độ Công ty Điện lực Hòa Bình đóng điện.

Để che giấu việc thuê lao động phổ thông thi công xây, lắp 03 công trình sửa chữa thường xuyên gồm: Công trình san tải trạm biến áp Bệnh viện Đ5; Công trình san tải trạm biến áp xóm T cho trạm biến áp xóm T, xã B; Công trình Khắc phục điện áp thấp khu vực xóm dài, thuộc đường dây 0,4KV - TBA 160KVA - 35/0,4KV xóm M, Bùi Viết T và Đoàn Anh Đ chỉ đạo cán bộ Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch - Kỹ thuật, an toàn cụ thể là ông Nguyễn Đặng Thái L tài liệu giả nội dung phản ánh thực tế thi công tại hiện trường. Cụ thể:

Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Biểu 1: Tiếp nhận vật tư vật liệu mới đến chân công trình hạng mục: Xi măng, cát, đá, thép tròn, cột điện ly tâm, tiếp địa trạm biến áp"; "Biểu 2: Đào móng cột điện, rãnh tiếp địa"; "Biểu 3: Nhật ký đúc bê tông móng cột"; "Biểu 4: Dựng cột"; "Biểu 5: Nhật ký lắp xà, sứ, thiết bị và phụ kiện, kéo dây"; "Biểu 6: Căng dây lấy độ võng"; "Biểu 7: Đào, đóng tiếp địa trạm biến áp".

Các Biên bản nghiệm thu "Biên bản nghiệm thu vật tư, vật liệu trước khi đưa vào sử dụng; " Biên bản 01 nghiệm thu công việc xây dựng, đối tượng nghiệm thu: Đào hố móng, đào rãnh tiếp địa trạm biến áp, tiếp địa cột"; "Biên bản 02 nghiệm thu công việc xây dựng Đúc bê tông móng cột, đóng cọc tiếp địa trạm biến áp"; "Biên bản 03 nghiệm thu công việc xây dựng: dựng cột; Biên bản 04 Nghiệm thu công việc xây dựng: lấp đầm đất móng cột, lấp đất tiếp địa trạm biến áp; Biên bản 05 Nghiệm thu vật tư, vật liệu trước khi đưa vào sử dụng, hạng mục: Xà, sứ, chống sét van, SI, máy biến áp, tủ điện hạ thế và các phụ kiện; "Biên bản 06 Nghiệm thu công việc xây dựng mục: Lắp xà, sứ, CSV, SI, MBA, tủ hạ thế, phụ kiện của trạm biến áp; Biểu 7 Nghiệm thu công việc xây

dựng hạng mục: Lắp xà điểm đấu, đấu nối dây dẫn AC - 50, cáp vặn xoắn ABC và phụ kiện".

Bản vẽ hoàn công: trong đó có thành phần ký tên gồm: Người vẽ; Giám sát; Trưởng Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch - Kỹ thuật, an toàn; Phó Giám đốc kỹ thuật Bùi Viết T hoặc Đoàn Anh Đ.

1.2. Thủ đoạn thực hiện nâng cao trình đường dây 35KV (gồm 06 công trình).

Sau khi Công ty Điện lực Hòa Bình có Quyết định về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán công trình; Quyết định về việc giao nhiệm vụ thi công. Trần Thanh B trực tiếp thuê Tổ nhóm thợ của Bùi Văn P2 thực hiện toàn bộ công việc theo thỏa thuận tính công nhật với giá 800.000 đồng/1 ngày công. Tại cuộc họp giao ban đơn vị, Trần Thanh B giao Đoàn Anh Đ chỉ đạo, tổ chức phiên làm việc, lập kế hoạch chi tiết, bố trí nhân lực từng nội dung công việc xếp chồng và chuyển cho các bộ phận để triển khai thực hiện. Triệu Thanh L1 phối hợp với Lê Đình S lập Phương án tổ chức và biện pháp an toàn đối với 05 công trình: Nâng cao trình đường dây 35KV nhánh ViBa ĐDK 373 T/C T (TNTSLĐNT), (R) nhánh 35KV vào các trạm biến áp xã T, T; Nâng cao trình đường dây 35KV VT 10A-1, VT10A-2, VT10A-3 lộ 375 TG Tân Lạc và VT 63, 64 T/C lộ 373 Quyết Chiến không đảm bảo an toàn pha đất; Khắc phục đường dây 35KV vị trí cột 51-3 vào trạm biến áp xóm Khanh đường dây T10, vị trí 36 đường dây 373 TC Ba Khan; vị trí 115 đường dây 35KV nhánh vào trạm biến áp xóm Trằm đường dây T10; Khắc phục đường dây 35KV vị trí cột 105-14, 105-15 nhánh Viba, vị trí cột 113-3 nhánh vào trạm biến áp T10, đường dây 373 TC T không đảm bảo an toàn pha đất; Khắc phục đường dây 35KV vị trí cột 38-26, 38-27, 38-32, 38-38, 38-39 ĐZ 371 T/C Thượng Cốc, vị trí cột 69, 69-1 nhánh B, đường dây 373 T/C Quyết Chiến không đảm bảo an toàn pha đất; phối hợp với Nguyễn Xuân T1 lập Phương án tổ chức và biện pháp an toàn đối với 01 công trình Khắc phục đường dây 35KV vị trí cột 30-10, 30-11, 31, 32 ĐZ 371 T/C B, vị trí cột 68-5 nhánh xóm Lãi ĐZ 372E10.1 không đảm bảo an toàn pha đất để trình duyệt phương án theo phân cấp, đồng thời đăng ký lịch cắt điện. Sau khi Công ty Điện lực Hòa Bình duyệt và thông báo thời gian cắt điện, Đoàn Anh Đ chỉ đạo Lê Đình S và Nguyễn Xuân T1 lập phiên làm việc đối với các công trình được giao tổ chức thi công và chuyển đến cán bộ an toàn chuyên trách, tổng hợp chung các nội dung công việc của toàn đơn vị để kiểm soát và đẩy lên phần mềm quản lý an toàn lao động. Trần Thanh B hoặc Đoàn Anh Đ duyệt các phiên làm việc theo kế hoạch tuần hoặc đăng ký phiên làm việc bổ sung. Vào buổi chiều hoặc buổi tối ngày liền trước phiên làm việc, Lê Đình S, Nguyễn Xuân T1 viết Phiếu công tác trên phần mềm quản lý an toàn lao động để Trần Thanh B hoặc Đoàn Anh Đ kiểm tra và duyệt Phiếu công tác, trực ca vận hành đương ca kiểm tra lại nội dung và cấp số phiếu trên phần mềm. Lê Đình S, Nguyễn Xuân T1 in Phiếu công tác và ký dưới mục "Người cấp phiếu" chuyển "Người cho phép" làm thủ tục cho phép "Đơn vị công tác" vào làm việc. Đến hiện trường "Đơn vị công tác" làm các biện pháp an toàn, ký tên các chức danh (Người cho phép, Người chỉ huy trực tiếp, nhân viên đơn vị công tác) vào Phiếu

công tác, chụp ảnh và đẩy ảnh lên phần mềm ECP. Còn lại toàn bộ nội dung công việc ghi trên Phiếu công tác đều do lao động phổ thông thuộc Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện. Sau khi Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện xong công việc, thì đơn "Đơn vị công tác" công nhân của Điện lực Cao Phong kiểm tra hiện trường, tháo tiếp địa di động và hoàn thiện các thủ tục khóa Phiếu công tác, trả lại lưới điện đã được bàn giao cho trực ca vận hành Điện lực Cao Phong để trả lưới điện nhận bàn giao từ trực ca điều độ Công ty Điện lực Hòa Bình để đóng điện.

Sau khi Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện xong toàn bộ công việc Trần Thanh B giao nhiệm vụ cho Đoàn Anh Đ chỉ đạo Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch kỹ thuật trực tiếp là Nguyễn Đặng T2, Vũ Ngọc D hợp thức toàn bộ hồ sơ.

Tài liệu giả: Tập Nhật ký thi công; các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng.

Đối với các tài liệu làm giả nêu trên, sau khi Nguyễn Đặng T2 và Vũ Ngọc D lập xong chuyển cho Đoàn Anh Đ ký tại mục Phó giám đốc kỹ thuật; Triệu Thanh L1, trưởng Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch – Kỹ thuật; đối với những mục "Đơn vị thi công" Đào Trường Thành hoặc Hồ Xuân T3 là do Nguyễn Đặng T2 và Vũ Ngọc D, Triệu Thanh L1 ký giả chữ ký của ông Đào Trường T4, ông Hồ Xuân T3, đối với mục "Giám sát thi công" Lê Đình S hoặc Nguyễn Xuân T1 ông là do Nguyễn Đặng T2 và Vũ Ngọc D ký giả trong hồ sơ hạng mục để hợp thức nộp về Công ty Điện lực Hòa Bình.

1.3. Thủ đoạn thực hiện thay dây hạ áp (gồm 03 công trình).

Sau khi Công ty Điện lực Hòa Bình có Quyết định phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán; Quyết định giao nhiệm vụ thi công và duyệt tờ trình cấp vật tư để thực hiện. Trần Thanh B chỉ đạo Lê Đình S tổ chức phiên làm việc, lập Phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn các trạm biến áp N, xóm B - N, xóm Q, xóm C, Ổ, B, xóm B, xóm B, xóm B, xóm B, xóm P, xóm Đ, T, xóm L, L, xóm K, xóm N, xóm K, T, K, Chiếu sáng QL12B; Nguyễn Xuân T1 tổ chức phiên làm việc, lập Phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn các TBA xóm Khuộn, B, X, Khu B thuộc công trình Thay dây hạ áp năm 2020; Lê Đình S tổ chức phiên làm việc, lập Phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn công trình Thay dây dẫn bị nứt vỡ, lão hóa cách điện ĐZ 0,4KV sau trạm biến áp xóm Chiềng 250KVA-35/0,4KV; Thay dây CQT (ReIINT15) ĐZ 0,4KV sau trạm biến áp xóm C, xã T để trình ký duyệt phương án theo phân cấp, đồng thời đăng ký phương thức cắt điện gửi Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch - kỹ thuật, an toàn để tổng hợp chung toàn đơn vị và đăng ký với Công ty Điện lực Hòa Bình duyệt lịch cắt điện. Lập lịch làm việc gửi đến cán bộ an toàn chuyên trách của đơn vị rà soát và tổng hợp toàn bộ các nội dung công việc theo kế hoạch tuần của các bộ phận trong đơn vị đẩy lên phần mềm quản lý an toàn lao động (ECP) vào thứ hai của tuần làm việc để Trần Thanh B hoặc Đoàn Anh Đ duyệt phiên làm việc theo tuần hoặc đăng ký phiên làm việc bổ sung. Vào buổi chiều hoặc tối ngày liền trước phiên làm việc, Lê Đình S1 Xuân Tuấn viết Phiếu công tác trên phần mềm quản lý an toàn lao động đối với các công trình, hạng mục được

giao nhiệm vụ thi công để Trần Thanh B hoặc Đoàn Anh Đ kiểm tra và duyệt phiếu công tác, trực ca vận hành đương ca kiểm tra lại nội dung và cấp số Phiếu công tác trên phần mềm quản lý an toàn lao động. Lê Đình S, Nguyễn Xuân T1 in Phiếu công tác và ký dưới mục "Người cấp phiếu" chuyển "Người cho phép" làm thủ tục cho phép "Đơn vị công tác" vào làm việc. Đến hiện trường "Đơn vị công tác" làm các biện pháp an toàn, chụp ảnh và đẩy ảnh các bước lên phần mềm ECP, còn lại toàn bộ nội dung công việc ghi trên Phiếu công tác đều do lao động phổ thông thuộc Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện. Sau khi nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện xong công việc, thì"Đơn vị công tác" do công nhân của Điện lực Cao Phong kiểm tra lại công việc Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 đã thực hiện, tháo tiếp địa di động và hoàn thiện các thủ tục khóa Phiếu công tác và thực hiện đóng điện tại tủ phân phối 0,4KV cấp điện trở lại cho đường dây.

Sau khi Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện xong toàn bộ công việc Trần Thanh B giao nhiệm vụ cho Đoàn Anh Đ chỉ đạo Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch kỹ thuật trực tiếp là Nguyễn Đặng T2 hợp thức toàn bộ hồ sơ công trình.

(1) Công trình thay dây hạ áp năm 2020. Tài liệu giả: Nhật ký thi công; Các Biên bản nghiệm thu.

(2) Công trình thay dây dẫn bị nứt vỡ, lão hóa cách điện ĐZ 0,4KV sau trạm biến áp xóm Chiềng 250KVA-35/0,4KV. Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Biểu 1: Tiếp nhận vật tư, vật liệu mới đến chân công trình", "Biểu 2: Nhật ký lắp ốp cột, kẹp xiết, dây ABC và phụ kiện", "Biểu 3: Căng dây, lấy độ võng. Các Biên bản nghiệm thu "Biên bản nghiệm thu vật tư, vật liệu trước khi đưa vào sử dụng", "Biên bản 01: Nghiệm thu công việc xây dựng"; Bản vẽ hoàn công.

(3) Công trình thay dây CQT (ReIINT15) ĐZ 0,4KV sau trạm biến áp xóm C, xã T. Tài liệu giả: Nhật ký thi công; các Biên bản nghiệm thu.

Đối với các tài liệu làm giả nêu trên của các hồ sơ hạng mục, sau khi Nguyễn Đặng T2 lập xong chuyển cho Đoàn Anh Đ ký tại mục Phó giám đốc kỹ thuật; Triệu Thanh L1, trưởng Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch – Kỹ thuật; Giám sát thi công- Lê Đình S; còn đối với mục "Đơn vị thi công" Đào T thì do Nguyễn Đặng T2 ký giả chữ ký của ông Đào Trường T4 trong hồ sơ hạng mục để hợp thức nộp về Công ty Điện lực Hòa Bình.

1.4. Thủ đoạn thực hiện thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử (gồm 14 công trình).

Sau khi Công ty Điện lực Hòa Bình có các Quyết định phê duyệt danh mục sửa chữa thường xuyên; Quyết định phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán; Quyết định giao nhiệm vụ thi công và duyệt tờ trình cấp vật tư để thực hiện. Trần Thanh B thuê khoán Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thi công một phần hạng mục; giao Lê Đình S lập Phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn đối với các công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử tại địa bàn huyện T; Nguyễn Xuân T1 lập Phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn đối với các công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử tại địa bàn huyện C trình ký duyệt theo phân cấp; đồng thời bố trí nhân lực để cùng thực

hiện với lao động phổ thông thuộc Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2. Theo khu vực được phân công phụ trách, trước ngày thứ hai đầu tuần, Lê Đình S, Nguyễn Xuân T1 đăng ký phiên làm việc và chuyển đến cán bộ an toàn chuyên trách của đơn vị rà soát và tổng hợp toàn bộ các nội dung công việc của toàn đơn vị để kiểm soát và đẩy lên phần mềm quản lý an toàn lao động (ECP). Trần Thanh B hoặc Đoàn Anh Đ duyệt các phiên làm việc theo kế hoạch tuần hoặc phiên làm việc bổ sung. Vào buổi chiều hoặc tối ngày liền trước phiên làm việc, Lê Đình S, Nguyễn Xuân T1, viết Phiếu công tác trên phần mềm quản lý an toàn lao động để Trần Thanh B hoặc Đoàn Anh Đ kiểm tra và duyệt Phiếu công tác, trực ca vận hành đương ca kiểm tra lại nội dung và cấp số phiếu trên phần mềm. Lê Đình S, Nguyễn Xuân T1 in Phiếu công tác và ký dưới mục "Người cấp phiếu" chuyển đến "Người cho phép" làm các thủ tục cho phép "Đơn vị công tác" vào làm việc.

Thực tế, khi đến hiện trường "Đơn vị công tác" là công nhân Điện lực Cao Phong chỉ làm các biện pháp an toàn, ký tên các chức danh (Người cho phép, Người chỉ huy trực tiếp, nhân viên đơn vị công tác) vào Phiếu công tác, chụp ảnh và đẩy ảnh lên phần mềm ECP, còn lại toàn bộ nội dung công việc ghi trên Phiếu công tác đều do lao động phổ thông thuộc Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện. Quá trình thay thế hòm công tơ, khi lao động phổ thông tháo và lắp mới tại vị trí nào thì công nhân của Điện lực Cao P1 đi cùng sẽ viết các Biên bản treo tháo công tơ của khách hàng theo quy trình kinh doanh điện năng. Khi nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện xong công việc, thì "Đơn vị công tác" kiểm tra hiện trường và hoàn thiện các thủ tục khóa Phiếu công tác.

Sau khi Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện xong toàn bộ công việc Trần Thanh B giao nhiệm vụ cho Đoàn Anh Đ chỉ đạo Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch kỹ thuật trực tiếp là Nguyễn Đặng T2, Vũ Ngọc D hợp thức toàn bộ hồ sơ.

Đối với 14 công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử gồm Công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử trạm biến áp xóm T; Công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử trạm biến áp T10; Công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử trạm biến áp xóm T10; Công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử trạm biến áp T10; Công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử trạm biến áp xóm T10; Công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử trạm biến áp xóm T10; Công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử trạm biến áp Xương Đầu; Công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử trạm biến áp T10; Công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử trạm biến áp xóm L: Công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử trạm biến áp T10; Công trình thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử trạm biến áp xóm B: Công trình thay thế công tơ điện tử kết hợp thay dây cáp nguồn, hòm hộp vỡ hỏng không đảm bảo điều kiện vận hành và chỉnh trang 5S hệ thống đo đếm tại các trạm biến áp T10, B, B, B, B, xóm V, xóm K, xóm T, Vôi đá B; Công trình thay thế công tơ điện tử kết hợp thay dây cáp nguồn, hòm hộp vỡ hỏng không đảm bảo điều kiện vận hành và chỉnh trang 5S hệ thống đo

đếm tại các TBA Xuân Phong 2, T, T, T, Đ, Đ - Điện lực Cao Phong; Công trình thay thế công tơ điện tử kết hợp thay dây cáp nguồn, hòm hộp vỡ hỏng không đảm bảo điều kiện vận hành và chỉnh trang 5S hệ thống đo đếm tại các trạm biến áp xóm T, xóm D, xóm M, B, T, Môn 1. Tài liệu giả: Tập nhật ký thi công "Biểu 1: Tiếp nhận vật tư, vật liệu mới đến chân công trình", "Biểu 2: Nhật ký thay thế hòm công tơ điện tử …"; Các biên bản nghiệm thu "Biên bản nghiệm thu vật tư, vật liệu trước khi đưa vào sử dụng", "Biên bản 01: Nghiệm thu công việc xây dựng tại các trạm biến áp…".

Đối với các tài liệu làm giả nêu trên tại hồ sơ công trình thay thế công tơ điện tử, sau khi Nguyễn Đặng T2 và Vũ Ngọc D lập xong chuyển cho Trần Thanh B, Đoàn Anh Đ ký tại mục Chủ tịch hội đồng nghiệm thu; Triệu Thanh L1, trưởng Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch – Kỹ thuật; đối với những mục "Đơn vị thi công" Đào Trường Thành hoặc Hồ Xuân T3 thì do Nguyễn Đặng T2 và Vũ Ngọc D, Triệu Thanh L1 ký giả chữ ký của ông Đào Trường T4, ông Hồ Xuân T3; đối với mục "Giám sát thi công" Nguyễn Xuân T1 thì do Vũ Ngọc D ký giả chữ ký của ông Nguyễn Xuân T1 trong hồ sơ hạng mục để hợp thức nộp về Công ty Điện lực Hòa Bình.

1.5. Thủ đoạn trong thực hiện các công trình thay thế thiết bị (gồm 12 công trình).

Sau khi ban hành các Quyết định phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán, Quyết định giao nhiệm vụ thi công. Công ty Điện lực Hòa Bình duyệt tờ trình cấp vật tư để thực hiện. Tùy thời điểm Bùi Viết T hoặc Đoàn Anh Đ đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật, Trần Thanh B phân công Bùi Viết T5 Anh Đ chỉ đạo Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch - kỹ thuật phối hợp cùng Đội Quản lý vận hành được giao nhiệm vụ quản lý khu vực, nơi thực hiện công trình, hạng mục lập Phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn trình ký duyệt phương án theo phân cấp, đồng thời đăng ký lịch cắt điện. Sau khi Công ty Điện lực Hòa Bình duyệt và thông báo thời gian cắt điện, Lê Đình S, Đội trưởng Đội Quản lý vận hành được giao nhiệm vụ thi công các công trình thay FCO 35KV cũ, rỉ sét vận hành lâu năm không đảm bảo an toàn vận hành; Thay cáp mặt máy biến áp các trạm biến áp T10, trạm biến áp xóm B, xóm P; Thay cáp mặt máy biến áp, các trạm biến áp Thanh Hối 2, trạm biến áp xóm B; Thay sứ vận hành lâu năm, già cỗi, suy giảm cách điện trên đường dây 35KV nhánh xóm T T/C T; Thay sứ vận hành lâu năm, già cỗi, suy giảm cách điện trên đường dây 35KV nhánh Vi Ba ĐZ 373 T/C T; Thay thế dao cách ly 35KV vận hành lâu năm, để đảm bảo độ ổn định cung cấp điện tại D N T/C Q; Thay FCO 35KV cũ, rỉ sét vận hành lâu năm không đảm bảo an toàn vận hành tại các trạm biến áp: Tự dùng T, Mãn Đ1, Ổ, xóm K, B, xóm C (N), Luông Trên, Luông D, xóm T; công trình Củng cố dây thoát sét từ hệ thống chống sét van đến hệ thống tiếp địa cột, để tăng khả năng thoát sét cho hệ thống chống sét tại các vị trí cột điện cột 14-1-2, 14-1-6, 21-5A, 21-17, 26, 26-2, 26-21, 38-1, 45-1, 53, 63-6, 65-16, 65-19, 65-31 đường dây 373 trung gian T11; công trình thay chống sét ống bằng chống sét van trên ĐDK 35KV nhánh rẽ Địch Giáo - Q thuộc ĐĐK 373 trạm cắt P. Nguyễn Xuân T1, Đội trưởng Đội Quản lý vận hành được giao

nhiệm vụ thi công các công trình Thay FCO 35KV cũ, rỉ sét vận hành lâu năm không đảm bảo an toàn vận hành tại các trạm biến áp: Thu Phong, Đội B, chiếu sáng Thị trấn C, các cơ quan huyện, Bệnh viện Đ5, nước sạch C, khu B, xóm B, xóm L, Đội T, xã T; Thay cáp mặt máy biến áp, trạm biếp áp xóm B; Thay cáp mặt máy biến áp, trạm biếp áp T10; Di chuyển trạm biến áp xóm Khuôi 75KVA-35/0,4KV ĐDK 371 T/C B, phường T, thành phố H; Thay FCO 35KV cũ, rỉ sét vận hành lâu năm không đảm bảo an toàn vận hành tại các trạm biến áp, trạm trộn bê tông nhựa, B, xóm V, Đền B4, T, xóm M, N; công trình Củng cố dây thoát sét từ hệ thống chống sét van đến hệ thống tiếp địa cột, để tăng khả năng thoát sét cho hệ thống chống sét tại các vị trí cột điện cột 5-11, 21-1, 31, 33, 43, 45, 50-2, 51, 51-7, 53, 53-7, 57A-20, 58, 58-4, 58-15, 58-21, 61, 63, 64-3, 67-14, 68-2-1, 68-12, 70, 77, 78-2, đường dây 372 E10.1; Khắc phục sự cố trên đường dây trung áp Công ty Điện lực Hòa Bình đăng ký phiên làm việc, chuyển đến cán bộ an toàn chuyên trách rà soát và tổng hợp toàn bộ các nội dung công việc của đơn vị để kiểm soát và đẩy lên phần mềm quản lý an toàn lao động (ECP) để Trần Thanh B hoặc Bùi Viết T, Đoàn Anh Đ duyệt phiên làm việc theo kế hoạch tuần hoặc phiên làm việc bổ sung. Vào buổi chiều hoặc tối ngày liền trước phiên làm việc, Lê Đình S, Nguyễn Xuân T1 viết Phiếu công tác trên phần mềm quản lý an toàn lao động đối với các công trình được giao nhiệm vụ tổ chức thi công, để Trần Thanh B hoặc Bùi Viết T, Đoàn Anh Đ kiểm tra và duyệt Phiếu công tác. Sau đó, trực ca vận hành đương ca kiểm tra lại nội dung và cấp số phiếu trên phần mềm quản lý an toàn lao động (ECP). Lê Đình S, Nguyễn Xuân T1 in Phiếu công tác và ký dưới mục "Người cấp phiếu" để chuyển "Người cho phép" làm các thủ tục cho phép "Đơn vị công tác" vào làm việc.

Sau khi Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện xong toàn bộ công việc, Trần Thanh B giao nhiệm vụ cho Bùi Viết T hoặc Đoàn Anh Đ chỉ đạo Phòng Kỹ thuật hình sựế hoạch kỹ thuật trực tiếp là Nguyễn Đặng T2, Vũ Ngọc D hợp thức toàn bộ hồ sơ công trình.

(1) Đối với công trình thay FCO 35KV cũ, rỉ sét vận hành lâu năm không đảm bảo an toàn. Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Biểu 2: Nhật ký lắp FCO - 35KV & Dây chì CR-35KV", "Biểu 3: Thu Hồi"; Các Biên bản nghiệm thu "Biên bản 01 Nghiệm thu công việc xây dựng", "Biên bản nghiệm thu vật tư thu hồi"; Bản vẽ hoàn công.

(2) Đối với công trình thay cáp mặt máy biến áp các trạm biếp áp Thanh Hối 1, trạm biến áp xóm B, xóm P, xóm B. Tài liệu giả: Nhật ký thi công; Bản vẽ hoàn công.

(3) Thay cáp mặt máy biến áp, các trạm biến áp Thanh Hối 2, xóm B, X. Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Biểu 2: Nhật ký lắp cáp mặt MBA và Phụ kiện (Tại TBA Thanh Hối 2 và TBA xóm Bả)", "Biểu 4: Nhật ký lắp cáp mặt MBA và Phụ kiện (Tại T12)" . Các biên bản "Biên bản 01: Nghiệm thu công việc xây dựng, hạng mục: Lắp cáp mặt MBA, đầu cốt tại T, xóm B", "Biên bản 04: Nghiệm thu công việc xây dựng, hạng mục: Lắp cáp mặt MBA, đầu cốt tại X". Bản vẽ hoàn công.

(4) Công trình thay chống sét ống bằng chống sét van trên ĐDK 35KV nhánh rẽ Địch Giáo - Q thuộc ĐĐK 373 trạm cắt P. Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Biểu 4: Nhật ký lắp xà, sứ, thiết bị và phụ kiện, kéo dây". Các Biên bản "Biên bản 04: Nghiệm thu công việc xây dựng, hạng mục: Thay chống sét van bằng chống sét ống". Bản vẽ hoàn công.

(5) Đối với công trình thay sứ vận hành lâu năm, già cỗi, suy giảm cách điện trên đường dây 35KV nhánh xóm T T/C T. Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Biểu 2: Nhật ký thay thế sứ đứng PI 45", "Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng hạng mục: Thay thế sứ đứng PI45 (cả ty)".

(6) Đối với công trình thay sứ vận hành lâu năm, già cỗi, suy giảm cách điện trên đường dây 35KV nhánh Vi Ba ĐZ 373 T/C T. Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Biểu 2: Nhật ký thay thế sứ đứng PI 45 (cả ty)", "Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng hạng mục: Thay thế sứ đứng PI45 (cả ty)".

(7) Đối với công trình thay thế dao cách ly 35KV vận hành lâu năm, để đảm bảo độ ổn định cung cấp điện tại D N T/C Q. Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Biểu 2: Nhật ký thay thế dao cách ly", "Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng hạng mục: Thay thế dao cách ly 35KV".

(8) Đối với công trình thay FCO 35KV cũ, rỉ sét vận hành lâu năm không đảm bảo an toàn vận hành tại các trạm biến áp: Tự dùng T, Mãn Đ1, Ổ, xóm K, B, xóm C (N), Luông Trên, Luông D, xóm T, Trạm trộn bê tông nhựa, B, xóm V, Đền B4, T, xóm M, N. Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Biểu 2: Nhật ký thay thế cầu chì tự rơi", "Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng hạng mục: Thay thế cầu trì tự rơi 35KV, dây chì 35KV".

(9) Đối với công trình củng cố dây thoát sét từ hệ thống chống sét van đến hệ thống tiếp địa cột, để tăng khả năng thoát sét cho hệ thống chống sét tại các vị trí cột điện: 5-11, 21-1, 31, 33, 43, 45, 50-2, 51, 51-7, 53, 53-7, 57A-20, 58, 58-4, 58-15, 58-21, 61, 63, 64-3, 67-14, 68-2-1, 68-12, 70, 77, 78-2, ĐZ372 E10.1: Cột 14-1-2, 14-1-6, 21-5A, 21-17, 26, 26-2, 26-21, 38-1, 45-1, 53, 63-6, 65-16, 65-19, 65-31 ĐZ 373 TG Tân Lạc. Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Biểu 2: Nhật ký lắp dây thoát sét",; "Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng hạng mục: Lắp đặt dây nối đất".1

(10) Khắc phục sự cố trên đường dây trung áp Công ty Điện lực Hòa Bình. Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Nhật ký thay thế dao cách ly", "Nhật ký thay thế chông sét van 35KV". Các biên bản "Biên bản nghiệm thu công việc nội bộ số: 01 CVNB". "Biên bản nghiệm thu công việc".

(11) Công trình sửa chữa thường xuyên: Thay FCO 35KV cũ, rỉ sét vận hành lâu năm không đảm bảo an toàn vận hành tại các TBA: T, Đội B, Chiếu sáng Thị trấn C, Các cơ quan huyện, Bệnh viện Đ5, NSCP, khu B, xóm B, xóm L, Đội T, xã T. Tài liệu giả: Nhật ký thi công "Biểu 2: Nhật ký thay thế cầu chì tự rơi", Các Biên bản "Biên bản Nghiệm thu công việc xây dựng, hạng mục: thay thế Cầu chì tự rơi 35KV, dây chì 35KV".

(12) Công trình sửa chữa thường xuyên: Di chuyển TBA xóm Khuôi 75KVA-35/0,4KV ĐDK 371 T/C B, phường T, thành phố H. Tài liệu giả: Nhật

ký thi công " Biểu 1: Tiếp nhận vật tư, vật liệu mới đến chân công trình", "Biểu 2: Nhật ký đào móng cột, rãnh tiếp địa", "Biểu 3: Nhật ký đúc bê tông móng cột", "Biểu 4: Dựng cột", "Biểu 5: Nhật ký lắp xà, sứ, thiết bị và phụ kiện, kéo dây", "Biểu 6: Căng dây, lấy độ võng", "Biểu 7: Đào, đóng tiếp địa TBA". Các Biên bản "Biên bản 01: Nghiệm thu vật tư, vật liệu trước khi đưa vào sử dụng (hạng mục vật tư Xi măng, cát, đá, cột điện, tiếp địa TBA)", "Biên bản 02: Nghiệm thu công việc xây dựng (hạng mục: Đào hố móng, đào rãnh tiếp địa TBA)", "Biên bản 03: Nghiệm thu công việc xây dựng (hạng mục: Đúc bê tông móng cột, đóng cọc tiếp địa TBA)", "Biên bản 04: Nghiệm thu công việc xây dựng (hạng mục: Dựng cột điện hạ thế)", "Biên bản 05: Nghiệm thu công việc xây dựng (hạng mục: Lấp đầm đất móng, lấp đất tiếp địa TBA)", "Biên bản 06: Nghiệm thu vật tư, vật liệu trước khi đưa vào sử dụng (hạng mục vật tư: Xà, sứ, chống sét van, cầu chì tự rơi FCO 35KV và phụ kiện của TBA)", "Biên bản 08: Nghiệm thu vật tư, vật liệu trước khi đưa vào sử dụng (hạng mục vật tư: Cáp nhôm và phụ kiện ĐZ 0,4KV)", "Biên bản 09: Nghiệm thu công việc xây dựng (hạng mục: Kéo, căng dây lấy độ võng, đấu nối lắp khóa néo, ốp cột, kẹp xiết cáp vặn xoắn.

Đối với các tài liệu làm giả nêu trên, sau khi Nguyễn Đặng T2 và Vũ Ngọc D lập xong chuyển cho Đoàn Anh Đ ký tại mục Phó giám đốc kỹ thuật; Triệu Thanh L1, trưởng Phòng Kỹ thuật hình sự hoạch – Kỹ thuật; đối với những mục "Đơn vị thi công" Đào Trường Thành hoặc Hồ Xuân T3 là do Nguyễn Đặng T2 và Vũ Ngọc D ký giả chữ ký của ông Đào Trường T4, ông Hồ Xuân T3, đối với mục "Giám sát thi công" Lê Đình S hoặc Nguyễn Xuân T1 ông là do Nguyễn Đặng T2 và Vũ Ngọc D ký giả trong hồ sơ hạng mục để hợp thức nộp về Công ty Điện lực Hòa Bình.

1.6. Kết quả trưng cầu giám định

- Ngày 20/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H ra Quyết định trưng cầu giám định số 271/QĐ-CSKT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H giám định chữ ký; ngày 04/4/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H có Kết luận giám định số 160/KL-KTHS; ngày 08/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 406/QĐ-CSKT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H giám định chữ ký. Ngày 16/4/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H có Kết luận giám định số 189/KL-KTHS kết luận:

** Các hồ sơ công trình SCTX năm 2019:*

- Chữ ký đứng tên Đào T tại các tài liệu đánh số 22, 23, 24, 25 trong Hồ sơ công trình SCTX Bổ sung tiếp địa các TBA có Rtđ không đạt tiêu chuẩn vận hành sau thí nghiệm định kỳ năm 2019 (ký hiệu A1) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Lê Đình S tại tờ đánh số 16 trong Hồ sơ công trình SCTX San tải TBA Phong Phú và TBA Tự dùng tinh bột sắn, xã P, huyện T (ký

hiệu A2) với chữ ký của ông Lê Đình S trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) do cùng một người ký ra.

** Các hồ sơ công trình năm 2020:*

- Chữ ký mục "2/Đội QLVH" tại các tờ tài liệu đánh số 20, 22, 24, 26 và chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân T1 dưới mục Đơn vị thi công tại các tờ đánh số 28, 29, 30, 31, 33, 34 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Khắc phục điện áp thấp khu vực xóm D, thuộc ĐZ 0,4 KV-TBA 160KVA-35/0,4KV xóm M (ký hiệu A3) với chữ ký của ông Nguyễn Xuân T1 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4) không phải do cùng một người ký ra; với chữ ký của ông Nguyễn Đặng T2 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M5) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Lê Đình S tại các tờ tài liệu đánh số 20, 29 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay chống sét ống bằng chống sét van trên ĐDK 35KV nhánh rẽ Địch Giáo - Quy Mỹ thuộc ĐDK 373 T/C P (ký hiệu A4) với chữ ký của ông Lê Đình S trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một người ký ra; với chữ ký của ông Nguyễn Đặng T2 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M5) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ tại liệu đánh số 20, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay chống sét ống bằng chống sét van trên ĐDK 35KV nhánh rẽ Địch Giáo - Quy Mỹ thuộc ĐDK 373 T/C P (ký hiệu A4) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; các tờ tài liệu đánh số 33, 34, 35, 36, 37 với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký và viết ra; không đủ cơ sở kết luận các tờ tài liệu đánh số 20, 29, 30, 31, 32 chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 19, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 trong Hồ sơ công trình hạng mục SCTX Nâng cao trình ĐZ 35KV nhánh Viba ĐDK 373 T/C T (TNTSLĐNT) năm 2016; (REII) nhánh 35 KV vào các TBA xã T-TL(nhánh vào TBA xóm Sung) (ký hiệu A5) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Lê Đình S tại các tờ đánh số 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 trong Hồ sơ công trình hạng mục SCTX Nâng cao trình ĐZ 35KV nhánh Viba ĐDK 373 T/C T (TNTSLĐNT) năm 2016; (REII) nhánh 35 KV vào các TBA xã T-TL (nhánh vào TBA xóm Sung) (ký hiệu A5) với chữ ký của ông Lê Đình S trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một người ký ra; với chữ ký của ông Nguyễn Đặng T2 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M5) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ tài liệu đánh số 122, 123, 124, 140 trong Hồ sơ công trình Thay dây hạ áp năm 2020 - Điện lực Cao Phong (ký hiệu A6) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh

(ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

** Các hồ sơ công trình SCTX năm 2021:*

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Đào T tại các tờ tài liệu đánh số 10, 12, 19, 20 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử, kế hoạch thay công tơ điện tử quý II (T13) (ký hiệu A7); tại các tờ tài liệu đánh số 10, 12, 20, 21, 22, 23, 24 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử, kế hoạch thay công tơ điện tử quý II (TBA xóm Biệng) (ký hiệu A10); tại các tờ tài liệu đánh số 10, 12, 20, 24 trong Hồ sơ hạng mục SCTX thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử, kế hoạch thay công tơ điện tử quý II (TBA xóm Lồ) (ký hiệu A11); tại các tờ tài liệu đánh số 10, 13, 20 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử, kế hoạch thay công tơ điện tử quý II (TBA xóm Đạy) (ký hiệu A12); các tờ tài liệu đánh số 10, 12, 19, 21, 22, 23 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử, kế hoạch thay công tơ điện tử quý II (TBA xóm Thăm) (ký hiệu A13); các tờ tài liệu đánh số 20, 21, 22, 23 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử, kế hoạch thay công tơ điện tử quý II (TBA xóm Tớn) (ký hiệu A14); các tờ tài liệu đánh số 10, 12, 19, 20, 21, 22 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử, kế hoạch thay công tơ điện tử quý II (T14) (ký hiệu A15); các tờ đánh số 10, 12, 19, 20, 21, 22, 23 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử, kế hoạch thay công tơ điện tử quý II (TBA Khan Hò) (ký hiệu A16) với chữ ký, chữ viết của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Hồ Xuân T3 tại các tờ đánh số 10, 12, 17, 20, 21, 22, 23, 24 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử, kế hoạch thay công tơ điện tử quý II (TBA xóm Má) (ký hiệu A8) với chữ ký, chữ viết của ông Hồ Xuân T3 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải do cùng một người ký và viết ra; với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Hồ Xuân T3 tại các tờ đánh số 10, 12, 17, 20, 21, 22, 23, 24 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử, kế hoạch thay công tơ điện tử quý II (T12) (ký hiệu A9) với chữ ký, chữ viết của ông Hồ Xuân T3 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải do cùng một người ký và viết ra; với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Hồ Xuân T3 tại các tờ đánh số 10, 12, 17, 20, 21, 22, 23 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử, kế hoạch thay công tơ điện tử quý II (TBA Xương Đầu) (ký hiệu A17) với chữ ký, chữ viết của ông Hồ Xuân T3 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải do cùng một người ký và viết ra; với chữ ký, chữ viết của ông

Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 11, 16 và từ tờ 18 đến 30 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay dây CQT (ReIINT15) ĐZ 0,4 KV sau TBA xóm Cú, xã T, huyện T (ký hiệu A18) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 11, 14, 19, 20, 22 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay cáp mặt máy các TBA Thanh Hối 1, xóm B, xóm P, xóm B (ký hiệu A19) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 12, 15, 25, 26, 27, 28, 29 và chữ ký đứng tên Lê Đình S tại các tờ đánh số 12, 15, 25 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Nâng cao trình đường dây 35 KV VT10A-1,VT10A-2,VT10A-3 lộ 375 TG Tân Lạc và VT 63, VT 64 T/C lộ 373 Quyết Chiến không đảm bảo an toàn pha đất (ký hiệu A19 và A20) với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 14, 23, 25, 26, 27, 28, 29 trong Hồ sơ hạng mục Thay dây bị vỡ nứt, lão hóa cách điện ĐZ 0,4KV sau TBA xóm Chiềng 250KVA-35/0,4KV (ký hiệu A20 và A21) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 11, 13, 22, 23, 26, 27 và chữ ký đứng tên Hồ Xuân T3 tại các tờ đánh số 12, 19, 24, 25, 28, 29 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay cáp mặt máy các TBA Thanh Hối 2, TBA B, T12 (ký hiệu A21) với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 12, 15, 19, 22, 23, 24, 25 và chữ ký đứng tên Lê Đình S tại các tờ đánh số 12, 17 trong Hồ sơ hạng mục SCTX khắc phục đường dây 35KV vị trí cột 105-14,105-15 nhánh Vi Ba; vị trí nhánh vào TBA Quy Hậu ĐZ 373 T/C T không đảm bảo an toàn pha đất (ký hiệu A22) với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đặng T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Hồ Xuân T3 tại các tờ đánh số 10, 17 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay hòm công tơ cơ bằng hòm công tơ điện tử, kế hoạch thay công tơ điện tử quý II (T12) (ký hiệu A8) với chữ ký, chữ viết của ông Triệu Thanh L1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M11, M12, M13) do cùng một người ký ra.

** Hồ sơ công trình SCTX năm 2022:*

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 09, 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23, 25 trong Hồ sơ công trình sửa chữa thường xuyên: Củng cố dây thoát sét từ hệ thống chống sét van đến hệ thống tiếp địa cột, để tăng khả năng thoát sét cho hệ thống chống sét tại các vị trí cột điện: 5-11, 21-1, 31, 33, 43, 45, 50-2, 51, 51-7, 53, 53-7, 57A-20, 58, 58-4, 58-15, 58-21, 61, 63, 64-3, 67-14, 68-2-1, 68-12, 70, 77, 78-2, ĐZ372 E10.1: Cột 14-1-2, 14-1-6, 21-5A, 21-17, 26, 26-2, 26-21, 38-1, 45-1, 53, 63-6, 65-16, 65-19, 65-31 ĐZ 373 TG T (ký hiệu A24) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 11, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 27, 28, 29, 30 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay sứ vận hành lâu năm, già cỗi, suy giảm cách điện trên ĐZ 35 KV nhánh Vi Ba ĐZ 373 T/C T (ký hiệu A25) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 11, 13, 15, 17, 19, 22, 24, 26, 27, 28, 29, 30, 31 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay sứ vận hành lâu năm, già cỗi, suy giảm cách điện trên ĐZ 35 KV nhánh xóm T T/C T (ký hiệu A26) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 12, 14, 16, 18, 20, 22, 25, 27, 29, 31, 32 trong Hồ sơ công trình sửa chữa thường xuyên: Thay FCO 35KV cũ, rỉ sét vận hành lâu năm không đảm bảo an toàn vận hành tại các TBA: Tự dùng T, Mãn Đ1, Ổ, xóm K, B, xóm C (N), Luông Trên, Luông D, xóm T, Trạm trộn bê tông nhựa, B, xóm V, Đền B4, T, xóm M, N (ký hiệu A27) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Hồ Xuân T3 tại các tờ đánh số 12, 14, 16, 18, 20, 22 trong Hồ sơ công trình sửa chữa thường xuyên: Thay thế công tơ điện tử kết hợp thay dây cáp nguồn, hòm hộp vỡ hỏng không đảm bảo điều kiện vận hành và chỉnh trang 5S hệ thống đo đếm tại các TBA Bình Thanh 1, B, B, B, B, Xóm V, xóm K, xóm T, Vôi đá B (ký hiệu A28) với chữ ký của ông Hồ Xuân T3 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Hồ Xuân T3 tại các tờ đánh số 18, 21, 24, 27, 30, 32, 34, 35, 36, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Khắc phục đường dây 35KV vị trí cột 30-10, 30-11, 31, 32 ĐZ 371 T/C B; Vị trí cột 60-5 nhánh xóm Lãi ĐZ 372 E10.1 không đảm bảo an toàn pha đất (ký hiệu A29) với chữ ký của ông Hồ Xuân T3 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải

do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân T1 tại các tờ đánh số 15, 18, 32, 34, 35, 36, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Khắc phục đường dây 35KV vị trí cột 30-10, 30-11, 31, 32 ĐZ 371 T/C B; Vị trí cột 60-5 nhánh xóm Lãi ĐZ 372 E10.1 không đảm bảo an toàn pha đất (ký hiệu A29) với chữ ký của ông Nguyễn Xuân T1 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 14, 15, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30, 32, 34 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Khắc phục đường dây 35KV vị trí cột 38-26,38-27,38-32,38-38,38-39 ĐZ 371 TC Thượng Cốc; Vị trí cột 69, 69-1 nhánh B, ĐZ 373 T/C Quyết Chiến không đảm bảo an toàn pha đất (ký hiệu A30) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Hồ Xuân T3 tại các tờ đánh số 10, 12, 14, 16, 18, 20, 21, 22 trong Hồ sơ công trình sửa chữa thường xuyên: Thay thế công tơ điện tử kết hợp thay dây cáp nguồn, hòm hộp vỡ hỏng không đảm bảo điều kiện vận hành và chỉnh trang 5S hệ thống đo đếm tại các TBA Xuân Phong 2, T, T, T, Đ, Đ (ký hiệu A31) với chữ ký của ông Hồ Xuân T3 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân T1 tại các tờ đánh số 10, 20, 21, 22 trong Hồ sơ công trình sửa chữa thường xuyên: Thay thế công tơ điện tử kết hợp thay dây cáp nguồn, hòm hộp vỡ hỏng không đảm bảo điều kiện vận hành và chỉnh trang 5S hệ thống đo đếm tại các TBA Xuân Phong 2, T, T, T, Đ, Đ (ký hiệu A31) với chữ ký của ông Nguyễn Xuân T1 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Hồ Xuân T3 tại các tờ đánh số 10, 12, 14, 16, 18, 20, 21, 22 trong Hồ sơ công trình sửa chữa thường xuyên: Thay thế công tơ điện tử kết hợp thay dây cáp nguồn, hòm hộp vỡ hỏng không đảm bảo điều kiện vận hành và chỉnh trang 5S hệ thống đo đếm tại các TBA xóm Tiềng, xóm D, xóm M, B, T, M (ký hiệu A32) với chữ ký của ông Hồ Xuân T3 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Hồ Xuân T3 tại các tờ đánh số 25, 29, 33, 37, 41, 45, 46, 47, 48, 51, 52, 53, 55, 56, 57, 58, 59, 61, 62, 63, 64, 66, 68 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Di chuyển TBA xóm Khuôi 75KVA- 35/0,4KV ĐDK 371 TC B, phường T, thành phố H (ký hiệu A33) với chữ ký của ông Hồ Xuân T3 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân T1 tại các tờ đánh số 20, 25, 45, 46, 47, 48, 51, 52, 53, 55, 56, 57, 58, 59, 61, 62, 63, 64, 66, 68 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Di chuyển TBA xóm Khuôi 75KVA- 35/0,4KV ĐDK 371 TC B, phường T, thành phố H (ký hiệu A33) với chữ ký của ông Nguyễn Xuân T1 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân T1 tại các tờ đánh số 15, 24, 26, 28, 30, 32, 33 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay FCO 35KV cũ, rỉ sét vận hành lâu năm không đảm bảo an toàn vận nhành tại các TBA: Thu Phong, Đội B, Chiếu sáng TTCP, Các cơ quan huyện, Bệnh viện Đ6, NSCP, Khu B2, xóm B, xóm L, Đội T, xã T (ký hiệu A34) với chữ ký của ông Nguyễn Xuân T1 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Trường T4 tại các tờ đánh số 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Thay thế Dao cách ly 35KV vận hành lâu năm, để đảm bảo độ ổn định cung cấp điện tại D N T/C Q (ký hiệu 35) với chữ ký của ông Đào Trường T4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra; với mẫu chữ ký của ông Vũ Ngọc D trên tài liệu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Hồ Xuân T3 tại các tờ đánh số 34, 35, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45 trong Hồ sơ hạng mục SCTX Khắc phục đường dây 35KV vị trí cột 30-10, 30-11, 31, 32 ĐZ 371 T/C B; Vị trí cột 68-5 nhánh xóm Lãi ĐZ 372 E10.1 không đảm bảo an toàn pha đất (ký hiệu A23) với chữ ký, chữ viết của ông Triệu Thanh L1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M11, M12, M13) do cùng một người ký ra.

2. Hành vi "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" gây thiệt hại số tiền 975.081.000đ của Trần Thanh B, Vũ Tiến D1, Vương Thị Linh N1

2.1. Diễn biến hành vi phạm tội

Quy định về nguồn tiền nhân công sản xuất khác: Căn cứ vào các văn bản về các công tác dịch vụ sản xuất khác gồm: (1)Quyết định số 482/QĐ-PCHB ngày 16/4/2018 về việc Quy định công tác quản lý vận hành thuê đường dây, trạm biến áp của khách hàng do Công ty Điện lực Hòa Bình quản lý và Văn bản số 4096/EVN-ĐT ngày 02/10/2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam qui định về dịch vụ quản lý vận hành; (2)Công văn số 1151/SCT-QLNL ngày 23/5/2023 về việc hướng dẫn xác định chi phí lắp đặt mới, thay dây dẫn sau công tơ và thay đổi vị trí thiết bị đo đếm theo yêu cầu của khách hàng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Thông qua hình thức hợp đồng hoặc đăng ký của khách hàng, Điện lực Cao Phong thực hiện các dịch vụ sản xuất khác cho khách hàng gồm: Quản lý vận hành các trạm biến áp, lắp điện mới, nghiệm thu công trình điện, thí nghiệm các thiết bị điện. Khách hàng thực hiện thanh toán chi phí dịch vụ sản xuất khác cho Điện lực Cao Phong thông qua hình thức chuyển khoản (Trong cơ cấu số tiền thanh toán có bao gồm tiền nhân công). Điện lực Cao Phong thực hiện nộp

nguồn thu này về Công ty Điện lực Hòa Bình bằng phương thức chuyển khoản tới tài khoản số 3000211000058 mở tại A1 chi nhánh tỉnh H.

Quy định việc phân phối tiền nhân công sản xuất khác cho cán bộ nhân viên Điện lực Cao Phong: Căn cứ đơn giá tiền lương nhân công; căn cứ quy định tại điểm 6.3, 6.5, Mục 6, Quyết định số 408/QĐ-PCHB ngày 30/3/2018 của Công ty Điện lực Hòa Bình về phương án tổ chức sản xuất khác (BL 2280); căn cứ quy định tại Điều 11 quy định quản lý chi tiêu nội bộ của từng năm do Công ty Điện lực Hòa Bình ban hành (Quyết định số 508/QĐ-PCHB ngày 01/4/2019 (BL 2267); Quyết định số 861/QĐ-PCHB ngày 29/4/2020; Quyết định số 1230/QĐ-PCHB ngày 09/7/2021; Quyết định số 426/QĐ-PCHB ngày 28/4/2022). Công ty Điện lực Hòa Bình thực hiện phân phối cho Điện lực Cao Phong số tiền gồm: Tiền nhân công cho cán bộ nhân viên Điện lực Cao Phong thực hiện sản xuất khác (sau đây gọi là tiền nhân công sản xuất khác) và tiền chi phí khác (tiền này được sử dụng để chi phí mua sắm dụng cụ, công cụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất khác). Từ năm 2019 đến hết tháng 5/2023, Công ty Điện lực Hòa Bình được Công ty Điện lực Hòa Bình phân bổ tiền nhân công sản xuất khác là 1.353.065.000 đồng.

Trần Thanh B, Giám đốc Điện lực Cao Phong, trong công tác quản lý chi tiêu nội bộ của Điện lực Cao Phong từ năm 2019 đến tháng 5/2023, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao chỉ đạo Vũ Tiến D1, Kế toán viên và Vương Thị Linh N1,Thủ quỹ của C2 giữ lại toàn bộ số tiền 1.353.065.000 đồng là tiền Công ty Điện lực Hòa Bình phân bổ để chi trả cho cán bộ công nhân viên Điện lực Cao Phong tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động dịch vụ sản xuất khác. Trong đó từ năm 2019 đến hết tháng 6/2022, Trần Thanh B không thông báo, không cho cán bộ công nhân viên, người lao động biết họ là người được thụ hưởng số tiền 975.081.000 đồng để tự ý quyết định, sử dụng số tiền này để chi sai quy định; chi trả cho Bùi Văn P2, sinh năm 1970, trú tại xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình đại diện nhóm lao động phổ thông không có cấp/bậc thợ, chưa được huấn luyện, sát hạch về an toàn điện thi công toàn bộ công trình, hạng mục theo hình thức khoán gọn hoặc thi công một phần theo hình thức thuê công nhật thi công xây, lắp 45 Công trình sửa chữa thường xuyên; bổ sung, thay thế 68 vị trí cột điện, đường dây 0,4 KV; kéo bổ sung dây dẫn, nâng tiết diện 10 hạng mục đường dây 0,4 KV cho Điện lực Cao Phong trái với quy định về an toàn lao động; chi trả cho một số công trình do cá nhân Trần Thanh B nhận làm ngoài, không được Công ty Điện lực Hòa Bình phê duyệt.

Để được thanh, quyết toán số tiền 975.081.000đ, B đã chỉ đạo và giao cho Vũ Tiến D1 lập khống Danh sách chi tiền nhân công thuê quản lý vận hành cho khách hàng; Danh sách chi tiền nhân công lắp đặt dây sau công tơ cho khách hàng; Bảng chấm công mang tên người được thụ hưởng. Sau đó Vũ Tiến D1 và Vương Thị Linh N1 ký giả chữ ký của người được hưởng. Trong đó, Vũ Tiến D1 ký giả 95 chứng từ; Vương Thị Linh N1 ký giả 23 chứng từ. Ngoài ra, một số trường hợp Vũ Tiến D1 và Vương Thị Linh N1 đã gian dối đưa ra thông tin sai sự thật hoặc kèm lẫn với những chứng từ nhận tiền khác để hướng dẫn người nhận tiền ký vào những chứng từ lập khống. Cụ thể:

- *Năm 2019:* Điện lực Cao Phong được Công ty Điện lực Hòa Bình phân bổ tiền nhân công sản xuất khác là 155.983.000đ. Vương Thị Linh N1 đi rút tiền trên về, sau đó Ngọc chuyển lại toàn bộ số tiền 155.983.000đ cho B quản lý sử dụng theo yêu cầu của B. Sau khi nhận số tiền trên B đã tự ý sử dụng vào việc chi hỗ trợ hai hộ gia đình hiến đất thực hiện công trình sửa chữa thường xuyên lắp trạm biến áp chống quá tải Đông Lai 1 và trạm biến áp chống quá tải Thanh Hối 2 tổng là 4.000.000 đồng nhưng không có chứng từ thể hiện chi; chi cho Lê Đình S, Đội trưởng đội Quản lý vận hành số B3 thanh toán tiền nhân công lao động phổ thông để thi công sửa chữa thường xuyên hạng mục chống quá tải với số tiền 8.100.000 đồng.

Dù không thuê Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thi công các công trình san tải trạm biến áp T10; sửa chữa thường xuyên ĐZ35KV và trạm biến áp cấp điện khu tái định cư xóm M, xã N; san tải trạm biến áp tự dùng P và trạm biến áp T10. Nhưng để hợp thức số tiền 155.983.015 đồng từ Vương Thị Linh N1 bàn giao. Đầu năm 2020, B tự soạn thảo chứng từ thanh toán gồm: (1) Giấy đề nghị thanh toán tiền nhân công sửa chữa thường xuyên san tải trạm biến áp T10, nhưng ghi lùi ngày là 25/9/2019, số tiền 41.000.000 đồng; (2) Giấy đề nghị thanh toán tiền nhân công sửa chữa thường xuyên ĐZ35KV và trạm biến áp cấp điện khu tái định cư xóm M, xã N, nhưng ghi lùi ngày 07/10/2019, số tiền 42.000.000 đồng; (3) Giấy đề nghị thanh toán, tiền nhân công sửa chữa thường xuyên san tải trạm biến áp tự dùng P và trạm biến áp T10, nhưng ghi lùi ngày là 27/12/2019, số tiền 44.000.000 đồng, rồi nhờ Bùi Văn P2, ký vào mục "NGƯỜI ĐỀ NGHỊ" và gặp N1 để nhận số tiền 127.000.000 đồng. B đưa lại cho N1 số tiền 127.000.000 đồng, để N1 thanh toán cho Bùi Văn P2. Sau khi nhận tiền từ N1, P2 chuyển lại cho Trần Thanh B toàn bộ số tiền 127.000.000 đồng. Vì vậy, tổng số tiền nhân công sản xuất khác năm 2019 Trần Thanh B đang quản lý là 143.883.015 đồng.

Để che giấu việc không chi trả tiền nhân công sản xuất khác cho cán bộ công nhân viên; đồng thời để hoàn tất thủ tục thanh quyết toán báo cáo Công ty Điện lực Hòa Bình. Trần Thanh B giao Vũ Tiến D1, kế toán hợp thức hồ sơ, nội dung thanh toán. Sau đó, Vũ Tiến D1 dùng thủ đoạn ký giả chữ ký của 19 người được thụ hưởng tại 06 Danh sách chi tiền nhân công thuê Quản lý vận hành cho khách hàng từ tháng 01 đến hết tháng 06 năm 2019; ký giả chữ ký của 03 người được thụ hưởng tại 05 Danh sách chi tiền nhân công thuê Quản lý vận hành cho khách hàng từ tháng 07 đến hết tháng 11 năm 2019; ký giả chữ ký của 02 người được thụ hưởng tại 06 Danh sách chi tiền nhân công lắp đặt dây sau công tơ cho khách hàng từ tháng 01 đến hết tháng 6 năm 2019; ký giả chữ ký của 03 người được thụ hưởng tại 05 Danh sách chi tiền nhân công lắp đặt dây sau công tơ cho khách hàng từ tháng 07 đến hết tháng 11 năm 2019.

- *Năm 2020:* Điện lực Cao Phong được Công ty Điện lực Hòa Bình phân bổ số tiền nhân công sản xuất khác là 206.475.971 đồng, Vương Thị Linh N1 đã 12 lần rút tiền mặt. Cụ thể:

Cuối tháng 02, đầu tháng 03/2020, Trần Thanh B thuê nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện 02 công trình San tải trạm biến áp xóm T và San tải trạm biến áp

Bệnh viện Đ5 theo hình thức khoán gọn với số tiền 43.000.000 đồng/01 công trình. B đã tự ý sử dụng chi cho Bùi Văn P2 số tiền 02 công trình là 20.000.000 đồng, còn nợ 66.000.000 đồng. Để hợp thức chứng từ, B tự soạn 02 Giấy đề nghị thanh toán đối với 2 công trình trên tổng 86.000.000đ rồi viết nội dung chỉ đạo duyệt chi từ nguồn tiền nhân công sản xuất khác và đưa cho Vũ Tiến D1, kế toán ký để luân chuyển cho thành phần có tên trên chứng từ ký. Lúc này B còn giữ tiền nhân công sản xuất khác của Điện lực Cao Phong là 123.883.015 đồng (143.883.105 đồng - 20.000.000 đồng).

Từ ngày 16/01/2020 đến ngày 26/10/2020, tổng số tiền sản xuất khác do Vương Thị Linh N1 rút về quản lý là 147.165.000đ. B tự soạn thảo Giấy đề nghị thanh toán "tiền nhân công làm công trình khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng cơn bão số 3 năm 2019 …" cho Bùi Văn P2 với số tiền 21.668.531 đồng, sau đó N1 chi cho Bùi Văn P2 số tiền 21.668.000 đồng. Ngoài ra, B duyệt chi số tiền 17.040.000 đồng thuê nhân công kéo dây bệnh viện, thay máy, xe cẩu theo Giấy đề nghị thanh toán của Triệu Thanh L1 và số tiền 10.000.000 đồng thuê công nhân thu hồi và kéo dây trong Phong Phú theo Giấy đề nghị thanh toán của Trần Tuấn D2, tổng số tiền 27.040.000 đồng. Sau đó, N1 chi trả cho L1 và D2. Số tiền còn lại 98.457.000 đồng, N1 chuyển toàn bộ cho B quản lý, sử dụng.

Ngày 24/04/2020 và ngày 13/5/2020, B chuyển khoản cho Bùi Văn P2 số tiền 18.200.000đ chi trả tiền công phiên xếp chồng và bổ sung 06 vị trí cột và kéo 200m dây điện. Như vậy, số tiền nhân công sản xuất khác B còn giữ là 204.140.015 đồng (123.883.015 + 98.457.000 – 18.200.000).

Ngày 15/8/2020, B thuê Tổ nhóm thợ của Bùi Văn P2 thực hiện công việc lắp chụp, thay xà, sứ nâng cao trình tại vị trí cột 02, lắp chống sét van thông minh tại vị trí cột 04 nhánh Viba, đường dây 373 trạm cắt T số tiền nhân công 4.000.000 đồng. Thực tế, Trần Thanh B tự ý trả cho T6 nhóm thợ Bùi Văn P2 số tiền 44.000.000 đồng (40.000.000 đồng tiền nhân công làm công trình sửa chữa thường xuyên san tải trạm biến áp xóm D + 4.000.000 đồng tiền nhân công lắp chụp, thay xà, sứ nâng cao trình, lắp chống sét van). Số tiền nhân công sản xuất khác Trần Thanh B còn giữ là 160.140.015 đồng (204.140.015 đồng - số tiền 44.000.000 đồng).

Để hợp thức một phần số tiền 204.140.015 đồng đang chiếm giữ, Trần Thanh B lập Giấy đề nghị thanh toán, lấy lùi ngày 26/10/2020, lý do thanh toán "Tiền nhân công san tải TBA xóm Dài xã B…", số tiền 71.000.000 đồng và G đề nghị thanh toán "Tiền thuê nhân công san tải TBA xóm Bưởi…", số tiền 42.000.000 đồng và G đề nghị thanh toán "Tiền thuê nhân công san tải T13 …", số tiền 42.000.000 đồng. Nhưng lần lượt ghi lùi ngày cho phù hợp với thời gian thực hiện công trình trên thực tế, rồi viết nội dung chỉ đạo duyệt chi từ nguồn tiền nhân công sản xuất khác và đưa cho Vũ Tiến D1 ký để luân chuyển cho thành phần có tên trên chứng từ ký. Số tiền trên các Giấy đề nghị thanh toán này Trần Thanh B không trả tiền nhân công, vì đây là các công trình do người lao động Điện lực Cao Phong thực hiện.

Ngày 25/12/2020 và ngày 29/12/2020 tổng số tiền sản xuất khác do Vương Thị Linh N1 rút về là 58.104.000đ. B duyệt chi số tiền 1.600.000đ để trả

cho T6 nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện công trình thay chống sét ống bằng chống sét van trên đường dây 35KV nhánh rẽ Địch Giáo - Q, ĐZ 373 T/C Phong Phú theo phiên xếp chồng ngày 06/12/2020 và duyệt chi 2.400.000đ để trả cho Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện công việc tháo, lắp xà, sứ, hạ căng dây, lắp chụp đầu cột nâng cao trình nhánh xóm S, ĐZ 371 T/C T. Sau khi trừ số tiền trên, Ngọc chuyển lại toàn bộ số tiền 54.104.000đ cho B quản lý. Lúc này số tiền nhân công sản xuất khác B còn giữ là 214.244.015 đồng (160.140.015 đồng + 54.104.000 đồng).

Từ ngày 18/6/2020 đến ngày 16/11/2020 Trần Thanh B còn 07 lần chuyển khoản cho Bùi Văn P2 tổng số tiền 71.600.000 đồng, mục đích: Tất toán khoản nợ 66.000.000 đồng "Tiền nhân công SCTX san tải TBA xóm Tiềng" và "Tiền nhân công SCTX san tải TBA Bệnh viện Đa khoa thị trấn Đ5". Sau khi trả xong thì số tiền còn lại là 5.600.000 đồng được B dùng để trả một phần tiền nhân công Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện các công trình do cá nhân Trần Thanh B nhận làm ngoài Điện lực gồm: Xây lắp trạm biến áp của Công ty Cổ phần C3, tiền nhân công thực hiện 100.000.000 đồng; Đấu nối trạm biến áp thuộc công trình Khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty TNHH X, tiền nhân công thực hiện 3.000.000 đồng. Số tiền B còn nợ Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện 02 công trình nhận làm ngoài này là 97.400.000 đồng [(100.000.000 + 3.000.000) - 5.600.000] - (BL 1314)

Để che giấu việc không chi trả tiền nhân công sản xuất khác cho cán bộ công nhân viên; đồng thời để hoàn tất thủ tục thanh quyết toán báo cáo Công ty Điện lực Hòa Bình. Trần Thanh B giao Vũ Tiến D1, Kế toán hợp thức hồ sơ, nội dung thanh toán. Sau đó, Vũ Tiến D1 dùng thủ đoạn ký giả chữ ký của 16 người được thụ hưởng tại 25 Bảng chấm công các tháng năm 2020; ký giả chữ ký của 16 người được thụ hưởng tại Danh sách chi tiền nhân công thuê quản lý vận hành cho khách hàng từ tháng 01 đến hết tháng 11 năm 2020 và của 07 người tại Danh sách chi tiền nhân công thuê quản lý vận hành cho khách hàng tháng 12 năm 2020; ký giả chữ ký của 17 người được thụ hưởng tại Danh sách chi tiền nhân công lắp đặt dây sau công tơ cho khách hàng từ tháng 01 đến tháng 11 năm 2020 và của 10 người tại Danh sách chi tiền nhân công lắp đặt dây sau công tơ cho khách hàng tháng 12 năm 2020.

- *Năm 2021:* Điện lực Cao Phong được Công ty Điện lực Hòa Bình phân bổ số tiền nhân công sản xuất khác là 370.845.053 đồng, Vương Thị Linh N1 đã 12 lần rút tiền mặt. Cụ thể:

Kết thúc năm 2020, Trần Thanh B vẫn nợ tiền nhân công của Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 theo 2 loại công trình: Thứ nhất, công trình của C2, thay dây hạ áp là 260.000.000 đồng (20.000.000 mét dây x 13.000 đồng/01m); thứ hai, nợ 97.400.000 đồng công trình xây dựng, lắp đặt trạm biến áp của Công ty Cổ phần C3 và Công ty TNHH X. Ngày 02/02/2021, B chuyển khoản cho Bùi Văn P2 số tiền 20.000.000 đồng, để trả dần tiền nhân công Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện công trình thay dây hạ áp năm 2020 (20.000.000 đồng/260.000.000 đồng, còn nợ 240.000.000 đồng)

Từ ngày 06/03/2021, Trần Thanh B thuê Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện các công trình, hạng mục được Công ty Điện lực Hòa Bình phê duyệt, giao nhiệm vụ thi công với số tiền nhân công là 46.140.000 đồng; thực hiện các công trình không được Công ty Điện lực Hòa Bình phê duyệt, giao nhiệm vụ thi công gồm bổ sung thêm 41 cột điện và kéo khoảng 1.170m dây điện vào đường dây 0,4KV thuộc các TBA của khu vực C và Tân Lạc với số tiền nhân công là 93.300.000 đồng. Tổng số tiền nhân công là 139.440.000đ.

Từ ngày 8/3/2021 đến ngày 25/7/2021, B chuyển vào tài khoản của Bùi Văn P2 14 lần với tổng số tiền 221.600.000 đồng. Trong đó, có 97.400.000 đồng là tiền cá nhân của B chuyển để tất toán khoản nợ công trình xây dựng, lắp đặt trạm biến áp của Công ty Cổ phần C3 và Công ty TNHH X. Còn lại 124.200.000đ B trả khoản tiền thuê Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện các công trình từ ngày 06/3/2021 và nợ lại là 15.240.000 đồng (139.440.000 – 124.200.000).

Đối trừ số tiền sản xuất khác B giữ năm 2020 là 214.244.015 đồng với số tiền 124.200.000 đồng, đến thời điểm này số tiền Trần Thanh B còn giữ là 90.044.015 đồng.

Ngày 26/4/2021 đến ngày 27/12/2021 tổng số tiền sản xuất khác do Vương Thị Linh N1 rút về quản lý là 370.843.000đ. B duyệt chi số tiền 26.267.000 đồng trả tiền thuê nhân công theo Giấy đề nghị thanh toán của Lê Đình S, Đội trưởng Đội quản lý vận hành số B3; ngày 15/7/2021, B duyệt chi 17.580.000đ do Bùi Viết T, Phó Giám đốc đề nghị thanh toán để hỗ trợ UBND xã Đ cháy thiết bị. B tự thiết lập Giấy đề nghị thanh toán đề ngày 26/11/2021 nội dung thuê thực hiện sửa chữa thường xuyên TBA xóm Mạc, số tiền 47.000.000 đồng, N1 chuyển khoản cho Bùi Văn P2 số tiền 30.000.000 đồng theo sự chỉ đạo của B (còn nợ lại 17.000.000 đồng); B tự thiết lập Giấy đề nghị thanh toán thuê thực hiện thay dây nứt vỡ TBA Chiềng, C1, khắc phục ĐZ nhánh viba, nhánh Quyết Chiến…, sau đó N1 chuyển khoản cho Bùi Văn P2, số tiền 26.000.000 đồng và trả bằng tiền mặt số tiền 15.200.000 đồng tiền nhân công các Phiên xếp chồng ngày 30/12/2021. Còn lại số tiền 255.796.000 đồng, Vương Thị Linh N1 chuyển toàn bộ cho Trần Thanh B quản lý.

B lập giấy đề nghị thanh toán ghi lùi ngày 15/7/2021, số tiền 12.000.000 đồng, nội dung thanh toán tiền nhân công Thay cáp mặt máy Cầu Trọng theo Phiên xếp chồng ngày 29/6/2021 và Giấy đề nghị thanh toán ghi lùi ngày 25/7/2021, số tiền 26.400.000 đồng, nội dung thanh toán tiền nhân công Thay cáp mặt máy Trầm, V, Xuân P4 1 theo Phiên xếp chồng ngày 18/7/2021. Sau khi thanh toán 38.400.000 đồng (12.000.000 đồng + 26.400.000 đồng) trên thì thời điểm này Trần Thanh B còn giữ số tiền 307.440.015 đồng (90.044.015 + 255.796.000 – 38.400.000). Trần Thanh B tiếp tục giữ tiền thay Vương Thị Linh N1 để tự quyết định việc sử dụng.

Từ ngày 18/07/2021, Trần Thanh B thuê Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện các công trình, hạng mục SCTX như sau:

Từ ngày 21, 22, 23, 26/12/2021 Trần Thanh B thuê Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện các công trình, hạng mục được Công ty Điện lực Hòa Bình phê duyệt, giao nhiệm vụ thi công với số tiền nhân công là 28.800.000 đồng; thực

hiện các công trình không được Công ty Điện lực Hòa Bình phê duyệt, giao nhiệm vụ thi công gồm Táp khoảng 8.550m dây điện vào đường dây 0,4KV thuộc các TBA của khu vực C và Tân Lạc với số tiền nhân công là 100.500.000 đồng, tổng số tiền nhân công là 129.300.000đ. Từ ngày 6/8/2021 đến ngày 16/9/2021, B chuyển vào tài khoản của Bùi Văn P2 04 lần với tổng số tiền 51.000.000 đồng. Như vậy, Trần Thanh B còn nợ Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 số tiền nhân công là 110.540.000 đồng [15.240.000 đồng (nợ sau khi tất toán tiền công trình xây dựng, lắp đặt, đấu nối TBA của CTCP Cựu chiến binh C3 và Công ty TNHH X) + 17.000.000 đồng (tiền thi công TBA xóm Mạc) + 78.300.000 đồng (các công trình, hạng mục còn lại được Công ty Điện lực Hòa Bình giao nhiệm vụ và không giao nhiệm vụ thi công từ ngày 21 đến ngày 26/12/2021)]. Sau khi chuyển khoản 51.000.000 đồng, thì Trần Thanh B còn giữ số tiền nhân công sản xuất khác là 256.440.015 đồng (307.440.015 - 51.000.000).

Ngày 25/01/2022, Trần Thanh B chuyển cho Vương Thị Linh N1 số tiền 200.000.000 đồng, nhưng B không cho N1 biết đây là một phần trong 256.440.015 đồng tiền nhân công sản xuất khác B đang giữ, mà ghi nội dung chuyển tiền "cho quan vay" và chỉ đạo N1 chuyển cho Bùi Văn P2 số tiền 150.000.000 đồng để trả tiền nhân công các công trình, hạng mục sửa chữa thường xuyên. Chiều cùng ngày, B chỉ đạo N1 chuyển số tiền 50.000.000 đồng còn lại vào tài khoản Điện lực Cao Phong để nộp tiền điện về Công ty Điện lực Hòa Bình. Như vậy, thực tế số tiền nhân công sản xuất khác Trần Thanh B giữ là 56.440.015 đồng.

Nhằm hợp thức số tiền 150.000.000 đồng chuyển khoản cho Bùi Văn P2 để đối trừ vào số tiền 256.440.015 đồng đang còn giữ. Ngày 28/01/2022, B tự thiết lập Giấy đề nghị thanh toán, ghi chung lý do thanh toán "Chi trả nhân công thuê ngoài SCTX thay công tơ kết hợp chỉnh trang lưới điện 0,4KV và khắc phục đường dây 35 TC thượng cốc quyết chiến và di chuyển TBA Xóm Khuôi số ngày công 1000*150.000/công", số tiền 150.000.000 đồng. Sau đó lần lượt luân chuyển cho các thành phần có tên trên chứng từ ký, hoàn thiện.

Để che giấu việc không chi trả tiền nhân công sản xuất khác cho cán bộ công nhân viên; đồng thời để hoàn tất thủ tục thanh quyết toán báo cáo Công ty Điện lực Hòa Bình. Trần Thanh B giao Vũ Tiến D1, Kế toán hợp thức hồ sơ, nội dung thanh toán. Sau đó, Vũ Tiến D1 dùng thủ đoạn ký giả chữ ký của người được thụ hưởng tại 24 Bảng chấm công các tháng của năm 2021; Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ LĐM quý 1 năm 2021 tại cột Ký nhận của 05 người; Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ QLVH quý 1 năm 2021 tại cột Ký nhận của 12 người; Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ LĐM quý 2 năm 2021 tại cột Ký nhận của 10 người; Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ QLVH quý 2 năm 2021 tại cột Ký nhận của 09 người; Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ LĐM quý 3 năm 2021 tại cột Ký nhận của 10 người; Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ QLVH quý 3 năm 2021 tại cột Ký nhận của 07 người; Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ LĐM tháng 10 năm 2021 tại cột Ký nhận của 10 người; Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ LĐM tháng 11 năm 2021 tại cột Ký nhận của 11

người; Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ QLVH tháng 10 +11 năm 2021 tại cột Ký nhận của 07 người; Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ LĐM tháng 12 năm 2021 tại cột Ký nhận của 10 người; Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ QLVH tháng 12 năm 2021 tại cột Ký nhận của 07 người; Vương Thị Linh N1 giả mạo chữ ký của người được thụ hưởng tại cột Ký nhận của những người có tên Nguyễn Thị H1, Khuất Thị Thanh N2 trên các tài liệu ký hiệu A35, A37, A38, A40 trong tập chứng từ sản xuất khác năm 2021.

- *Quý 1, quý 2 năm 2022:* Công ty Điện lực Hòa Bình phân bổ cho Điện lực Cao Phong số tiền nhân công sản xuất khác là 241.708.000 đồng. Nhưng tiền nhân công sản xuất các quý đầu năm 2022, đến tận cuối tháng 5 Công ty Điện lực Hòa Bình mới phân bổ. Xuất phát từ nhu cầu thực tế, Trần Thanh B vẫn thuê Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 thực hiện một số công việc của Điện lực Cao Phong. Ngày 16/3/2022, B chỉ đạo N1 chuyển cho Bùi Văn P2 số tiền 11.400.000 đồng, từ nguồn thu tiền điện tháng 3/2022 của khách hàng và đối trừ vào số tiền 50.000.000 đồng nộp tiền điện về Công ty Điện lực Hòa Bình, trong số 200.000.000 đồng, B chuyển khoản cho N1 ngày 25/01/2022. Số tiền chuyển cho P2 để trả 10.000.000 đồng cho khoản nợ tiền nhân công sản xuất khác từ năm 2021 và thanh toán 1.300.000 đồng tiền thuê 02 nhân công trong Tổ nhóm thợ Bùi Văn P2 đi làm cùng Lê Đình S, Đội trưởng Đội Quản lý vận hành số B3, còn 100.000 đồng B hỗ trợ tiền cước điện thoại cho P2. Để hợp thức số tiền này, ngày 17/03/2022 Trần Thanh B thiết lập Giấy đề nghị thanh toán ghi nội dung: "Chi trả tiền nhân công thuê ngoài đi làm cùng anh sơn Tân lạc số công 2 công * 650.000/công", số tiền 1.300.000 đồng và ký, duyệt thanh toán từ tiền sản xuất khác rồi thông tin cho Bùi Văn P2 đến ký và luân chuyển cho Vũ Tiến D1, kế toán và Vương Thị Linh N1, thủ quỹ ký, lưu giữ chứng từ.

Khi Công ty Điện lực Hòa Bình phân bổ tiền nhân công sản xuất khác, Vương Thị Linh N1, thủ quỹ 04 lần rút tiền mặt. Cụ thể:

Ngày 26/5/2022, ngày 24/6/2022 tổng số tiền sản xuất khác do Vương Thị Linh N1 rút về và đưa cho B quản lý là 241.708.000 đồng. Tổng số tiền B đang giữ là: 241.708.000đ + 56.440.015đ =298.148.000đ.

Sau đó, ngày 27/4/2022 đến ngày 30/6/2022, B đưa cho N1 tổng số tiền mặt là 121.600.000đ từ nguồn tiền sản xuất khác từ số tiền mà B đang chiếm giữ để N1 trả tiền nhân công các công trình của Điện lực Cao Phong mà Bùi Văn P2 đã thực hiện năm 2021. Sau khi đối trừ thì số tiền sản xuất khác Trần Thanh B đang còn giữ lại là 176.548.015 đồng.

Để hợp thức hóa một phần số tiền đã chi ra, B thiết lập 03 Giấy đề nghị thanh toán ghi lùi ngày 27/04/2022, ngày 3/6/2022, ngày 30/6/2022 với tổng số tiền 93.000.000 đồng. Sau đó, Trần Thanh B thông báo cho Bùi Văn P2 đến ký và luân chuyển cho Vũ Tiến D1, kế toán và Vương Thị Linh N1, thủ quỹ ký, lưu giữ chứng từ.

Đối trừ số tiền 176.548.015 đồng với số tiền 66.000.000 đồng mà Trần Thanh B ứng để chi trả tiền nhân công SCTX san tải TBA xóm Tiềng và SCTX san tải TBA Bệnh viện Đ5 thì số tiền nhân công sản xuất khác mà Trần Thanh B còn giữ tại thời điểm này là 110.548.015 đồng. Số tiền này Trần Thanh B sử

dụng để trả nợ khoản 92.280.000 đồng nhân công phát sinh khi thực hiện công trình của Điện lực Cao Phong được Công ty Điện lực Hòa Bình phê duyệt và không phê duyệt năm 2021, còn lại 18.268.015 đồng, Trần Thanh B sử dụng toàn bộ cùng với số tiền 21.731.985 đồng của cá nhân để tất toán hết khoản nợ 40.000.000 đồng tiền nhân công Công trình xây dựng, lắp đặt TBA cho Công ty TNHH X1 vào năm 2021 mà Trần Thanh B nhận làm ngoài với tư cách cá nhân.(BL 1333)

Như vậy, số tiền nhân công còn nợ Bùi Văn P2 là: 305.000.000 đồng, gồm: (1) Tiền nhân công công trình thay dây hạ áp năm 2020: 240.000.000 đồng; (2)Tiền nhân công 65.000.000 đồng khi thực hiện 02 hạng mục công trình năm 2022 làm ngoài với tư cách cá nhân, gồm: Di chuyển 01 cột điện cho ông Bùi Hoàng S2 tại xóm T, xã M, huyện T với số tiền là 40.000.000 đồng; Di chuyển 01 cột điện cho ông Bùi Hồng L2 ở xóm Đ, thị trấn M, huyện T với số tiền là 25.000.000 đồng.

Dựa vào Biên bản họp thống nhất phân phối và sử sụng tiền sản xuất khác ngày 21/7/2022 giữa Giám đốc Điện lực Cao Phong, đại diện tổ chức Công đoàn và người lao động Điện lực Cao Phong thì thời điểm kết thúc tội phạm là ngày 01/7/2022. Tại thời điểm kết thúc tội phạm, số tiền nhân công sản xuất khác Trần Thanh B vẫn còn giữ của người lao động Điện lực cao P4 là ***23.868.015 đồng*** [5.600.000 đồng (chi trả cho công trình TBA Hội cựu chiến binh H5) + 18.268.015 đồng (chi trả cho công trình TBA Công ty TNHH X1; đây là 02 công trình Trần Thanh B nhận làm ngoài với tư cách cá nhân)].

Khi bị phát hiện điều tra, Trần Thanh B đã chỉ đạo làm giả nội dung tiểu mục 4 mục 3 Phần II Nghị quyết Chi bộ Điện lực Cao Phong tháng 7 năm 2018; làm giả Biên bản họp lấy số 451^{A} đề ngày 20/8/2018 của Điện lực Cao Phong nhằm "hợp thức hóa" lý do không chỉ trả tiền nhân công sản xuất khác vì người lao động đã thống nhất, đồng thuận. Là người đại diện theo pháp luật, có trách nhiệm quản lý, điều hành đơn vị kế toán, không được kiêm làm thủ quỹ theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015. Nhưng nhiều thời điểm, Trần Thanh B *"giữ tiền thay thủ quỹ"*, để tự ý quyết định, chi tiêu, sử dụng số tiền 975.081.000 đồng. Trong đó có số tiền 23.868.015 đồng, B sử dụng để chi trả tiền nhân công cho nhóm thợ Bùi Văn P2 đối với các công trình làm ngoài Điện lực. Trần Thanh B thiết lập 20/26 Giấy đề nghị thanh toán, với tổng số tiền 813.368.531 đồng, hầu hết nội dung thanh toán B đều nâng khống số tiền nhân công chi trả thực tế; một số Giấy đề nghị ghi trùng nội dung đã thanh toán trước đó hoặc thanh toán vào những công trình, hạng mục không thuê lao động phổ thông thực hiện, nhằm đối trừ vào số tiền nhân công sản xuất khác đã tự ý sử dụng. Tuy các tài liệu, chứng cứ đã thu thập không chứng minh được Trần Thanh B có mục đích chiếm đoạt tiền nhân công sản xuất khác của người lao động. Nhưng Trần Thanh B thừa nhận nhiều lần sử dụng số tiền nhân công sản xuất khác để chi trả cho các công trình, hạng mục làm ngoài Điện lực. Mặc dù nhận thức rõ để thanh quyết toán, báo cáo về Công ty Điện lực Hòa Bình thì Vũ Tiến D1 phải lập hồ sơ khống, nhưng để che giấu việc không chi trả chế độ cho người lao động, Trần Thanh B vẫn ký xác nhận dưới mục "Giám

đốc" vào toàn bộ chứng từ thanh toán khống 975.081.000 đồng tiền nhân công sản xuất khác. Hành vi của Trần Thanh B là nguyên nhân quyết định, trực tiếp gây hậu quả thiệt hại cho người lao động Điện lực Cao Phong số tiền 975.081.000 đồng.

Do Trần Thanh B và Bùi Văn P2 không xác định được số tiền, số hạng mục công trình của Điện lực Cao Phong và công trình, hạng mục B nhận làm ngoài Điện lực còn dư nợ. Nên Trần Thanh B đã thỏa thuận dân sự thanh toán cho Bùi Văn P2 số tiền 250.000.000 đồng thì toàn bộ khoản tiền nhân công Trần Thanh B thuê Bùi Văn P2 thực hiện các công trình, hạng mục trong và ngoài Điện lực Cao Phong đã được tất toán. Đến ngày 06/2/2024, bà Đỗ Thị Thúy H, là vợ Trần Thanh B đã thanh toán cho Bùi Văn P2 số tiền 250.000.000 đồng như thỏa thuận.

Ngoài ra, với trách nhiệm người đứng đầu Điện lực Cao Phong, B phải có trách nhiệm thuyết phục, thương thảo với khách hàng sử dụng các dịch vụ do Công ty Điện lực Hòa Bình cung cấp. Nhưng Trần Thanh B làm trái quy định tại: Khoản 10 Điều 7 Luật Điện lực: "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để…thu lợi bất chính trong hoạt động điện lực…"; và mục 5 Phương án tổ chức thực hiện sản xuất khác áp dụng trong Công ty Điện lực Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định 408/QĐ-PCHB ngày 30/3/2018 của Giám đốc Công ty Điện lực Hòa Bình: "Nghiêm cấm các đơn vị SXK tự ý làm ngoài không được sự đồng ý của PC" khi nhận hợp đồng làm ngoài Điện lực 03 công trình xây dựng, lắp đặt trạm biến áp; 14 hạng mục kéo dây, di chuyển cột điện trái quy định, thu lợi số tiền 118.423.000 đồng.

2.2. Kết quả trưng cầu giám định.

- Ngày 28/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H ra Quyết định trưng cầu giám định số 109/QĐ-CSKT trưng cầu giám định viên Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H giám định chữ ký. Ngày 05/9/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H có Kết luận giám định số 372/KL-KTHS kết luận: (BL 140-145).

* Căn cứ đặc điểm chữ ký trên các tài liệu cần giám định và chữ ký, chữ viết của Vũ Tiến D1 trên các tài liệu mẫu so sánh kết luận Vũ Tiến D1 ký tại các tài liệu: Tập Chứng từ sản xuất khác năm 2019, gồm: 04 tài liệu ký hiệu A2, A3, A4, A5; Tập Chứng từ sản xuất khác năm 2020, gồm: 25 tài liệu là 25 Bảng chấm công các tháng, ký hiệu từ A43 đến A67; 11 tài liệu là 11 Danh sách chi tiền nhân công thuê QLVH cho khách hàng ký hiệu A68, A69, A70, A71, A72, A73, A74, A75, A76, A77, A78; Tập Chứng từ sản xuất khác năm 2021, gồm: 24 tài liệu là 24 Bảng chấm công các tháng ký hiệu từ A8 đến A31; 03 tài liệu là 03 Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ LĐM quý 1, quý 2, quý 3 năm 2021, ký hiệu A7, A33, A35; 03 tài liệu là 03 Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ QLVH quý 1, quý 2, quý 3 năm 2021, ký hiệu A32, A34, A36; 03 tài liệu là 03 Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ LĐĐM các tháng 10, 11, 12 năm 2021, ký hiệu A37, A38, A40; 03 tài liệu là 03 Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ QLVH các tháng 10, 11, 12 năm 2021 ký hiệu A39, A41; Tập Chứng từ sản xuất khác năm 2022, gồm: 10 tài liệu là 10 Bảng chấm công các tháng năm 2022, ký hiệu

từ A80 đến A89; 01 tài liệu là Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ QLVH quý 1 năm 2022, ký hiệu A90; 01 tài liệu là Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ LĐĐM quý 1 năm 2022, ký hiệu A91; 02 tài liệu là 02 Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ LĐĐM tháng 4 + 5 năm 2022, ký hiệu A93; 02 tài liệu là 02 Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ QLVH tháng 4 + 5 năm 2022, ký hiệu A94.

* Căn cứ đặc điểm chữ ký trên các tài liệu cần giám định và chữ ký, chữ viết của Vương Thị Linh N1 trên các tài liệu mẫu so sánh kết luận Vương Thị Linh N1 ký tại các tài liệu: Chữ ký tại cột ký nhận của những người có tên Nguyễn Thị H1, Khu Á trên các tài liệu ký hiệu A35, A37, A38, A40 trong tập Chứng từ sản xuất khác năm 2021; Chữ ký tại cột ký nhận của người có tên Khuất Thị Thanh N2 trên các tài liệu ký hiệu A90, A91, A93, A94; chữ ký của người có tên Nguyễn Thị H1, Khuất Thị Thanh N2, Nguyễn Thị Minh H2 trên các tài liệu ký hiệu A95, A96, A98, A99; chữ ký của Nguyễn Thị H1, Khuất Thị Thanh N2 trên các tài liệu ký hiệu A101, A102, A103, A104, A105, A106; chữ ký của người có tên Nguyễn Thị H1 trên các tài liệu ký hiệu A109, A110, A111, A112, A113 trong tập Chứng từ sản xuất khác năm 2022.

3. Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu

* Thu giữ trong quá trình khám xét nơi làm việc của bị cáo Trần Thanh B: 115 (Một trăm mười lăm) loại tài liệu giấy; 07 (Bẩy) quyển sổ ghi chép.

* Thu giữ khi trích xuất laptop của Đoàn Anh Đ 29 (Hai mươi chín) tờ tài liệu giấy là Bảng tổng hợp các nội dung công việc xếp chồng kết hợp lịch cắt điện.

* *Tài liệu* Công ty Điện lực Hòa Bình *cung cấp*

- 01 tập tài liệu bìa màu xanh có ghi "Chứng từ sản xuất khác Điện lực Cao Phong năm 2019"; 01 tập tài liệu bìa màu xanh có ghi "Chứng từ sản xuất khác Điện lực Cao Phong năm 2020"; 01 tập tài liệu bìa màu xanh có ghi "Chứng từ sản xuất khác Điện lực Cao Phong năm 2021"; 01 tập tài liệu bìa màu xanh có ghi "Chứng từ sản xuất khác Điện lực Cao Phong năm 2022" gồm 53 trang được đánh số thứ tự từ 01 đến 53.

- 04 tập tài liệu, chứng từ liên quan đến hồ sơ sửa chữa thường xuyên của Điện lực Cao Phong trong các năm từ 2019 đến năm 2023 gồm: (1)Hồ sơ sửa chữa thường xuyên (SCTX) năm 2019, có 08 tập tài liệu tương ứng với 08 công trình; (2)Hồ sơ SCTX năm 2020, có 10 tập tài liệu tương ứng với 10 công trình; (3)hồ sơ SCTX năm 2021, có 37 tập tài liệu tương ứng với 37 công trình; (4) Hồ sơ SCTX năm 2022, có 16 tập tài liệu tương ứng với 16 công trình.

- 03 quyển quy trình về an toàn điện: (1)Quyển "Quy trình an toàn thủy, cơ, nhiệt, hóa trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam" ban hành kèm theo Quyết định số 881/QĐ-EVN ngày 15/7/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và (2) " Quyển quy trình an toàn điện trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam" ban hành kèm theo Quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 09/8/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. (3)Quyển "Quy trình an toàn điện trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam" ban hành kèm theo Quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 15/7/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- 09 quyết định về quy định chi trả tiền lương cho người lao động: [1]Quyết định số 540/QĐ-PCHB ngày 10/4/2019; [2]Quyết định số 1042/QĐ-PCHB ngày 10/6/2020; [3]Quyết định số 1450/QĐ-PCHB ngày 28/8/2020; [4]Quyết định số 2091/QĐ-PCHB ngày 24/11/2020; [5]Quyết định số 1032/QĐ-PCHB ngày 08/6/2021; [6]Quyết định số 875/QĐ-PCHB ngày 10/5/2021; [7]Quyết định số 751/QĐ-PCHB ngày 14/4/2021; [8]Quyết định số 1077/QĐ-PCHB ngày 15/9/2022; [9]Quyết định số 1516/QĐ-PCHB ngày 12/12/2022.

** Tài liệu Điện lực Cao Phong cung cấp*

- Tài liệu giấy tự nguyện giao nộp: [1]Nghị quyết số 07-NQ/CB ngày 10/7/2018 của Chi bộ Điện lực Cao Phong; [2]Biên bản cuộc họp số 451A/BB-ĐLCP ngày 20/8/2018 của Điện lực Cao Phong; [3]Nghị quyết số 08-NQ/CB ngày 12/8/2018 của Chi bộ Điện lực Cao Phong; [4]Biên bản cuộc họp (không ghi số) ngày 19/8/2019 của Điện lực Cao Phong; [5]Biên bản cuộc họp (không ghi số) ngày 21/7/2022 của Điện lực Cao Phong; [6]Biên bản cuộc họp (không ghi số) ngày 05/9/2022 của Điện lực Cao Phong; [7]Biên bản cuộc họp (không ghi số) ngày 27/01/2023 của Điện lực Cao Phong; [8]Biên bản cuộc họp (không ghi số) ngày 26/6/2023 của Điện lực Cao Phong.

- 09 Quyết định bổ nhiệm, giao nhiệm vụ cho các cá nhân: Vương Thị Linh N1, Nguyễn Quang L3, Trần Thanh B, Đoàn Anh Đ, Vũ Tiến D1;

- 49 phiếu chi tiền sản xuất khác từ năm 2019 đến hết tháng 4/2023 với tổng số tiền 1.377.932.603 đồng; T7 tài liệu về việc chi tiền sản xuất khác từ năm 2019 đến hết tháng 6/2023;

- Phương tiện chứa dữ liệu điện tử tự nguyện giao nộp: [1]Thu giữ từ máy vi tính của Trần Thanh B, Giám đốc C2 hai (02) Ổ chứa dữ liệu, ký hiệu là M1, gồm: Một (01) ổ HDD Seagate, dung lượng 500GB SkyHawk, số SN: Z9YS4B36, số PN: 2EZ102-302, số FW: CV45, vỏ màu bạc; một (01) ổ SSD Kingston, dung lượng 240GB, số SA400S37/240GB, vỏ màu đen; [2]Thu giữ từ máy vi tính của Đoàn Anh Đ, Phó Giám đốc C2 hai (02) Ổ chứa dữ liệu, ký hiệu là M3 gồm: Một (01) ổ HDD Western digital, dung lượng 1TB, số SN: WCC6Y7VJSPP2, số MDL: WD10EZEX-08WWN4A0, vỏ màu bạc; một (01) ổ SSD Kingston, dung lượng 120GB, số SA400S37/120GB, vỏ màu đen; [3]Thu giữ từ máy vi tính của Bùi Viết T, Phó Giám đốc C2 một (01) Ổ chứa dữ liệu, ký hiệu M2: ổ HDD Seagate, dung lượng 1TB, số SN: ZN1PRD0A, số PN: 2EP102-504, vỏ màu bạc; [4]Thu giữ từ máy tính của Nguyễn Hữu Q, Trưởng phòng Tổng hợp một (01) Ổ chứa dữ liệu, ký hiệu M4: ổ HDD Seagate, dung lượng 1TB, số SN: Z9AYYGSV, số PN: 1SB102-022, vỏ màu bạc; [5]Thu giữ tại máy tính của Vũ Tiến D1, Kế toán viên một (01) Ổ chứa dữ liệu dạng thanh nhớ, ký hiệu M5: Model A60/256GB, màu đen; [6]Thu giữ tại máy vi tính của Vương Thị Linh N1, Thủ quỹ một (01) Ổ chứa dữ liệu, ký hiệu M6: ổ SSD HIKVISION 240GB, model HS-SSD-C100, số SN: 30091552184, số F/A: HRM006N2; [7]Thu giữ tại máy vi tính của Nguyễn Xuân T1, Đội trưởng đội quản lý vận hành số 01 Điện lực Cao Phong, hai (02) Ổ chứa dữ liệu, ký hiệu M7 gồm: Một (01) ổ HDD Seagate, dung lượng 1TB, số SN: ZN1PS234, số PN:

2EP102-504, vỏ màu bạc một (01) ổ SSD Vaseky, dung lượng 120GB, số S/N:19V06W42789, vỏ màu đen.

* Thu giữ dữ liệu điện tử từ ổ cứng máy tính của 05 bị cáo:

- Trần Thanh B: Dữ liệu tại ổ cứng Ổ SSD Kingston, dung lượng 240GB, số SA400S37/240GB, vỏ màu đen với tổng dung lượng là 223GB, gồm 118 file);

- Vũ Tiến D1: Dữ liệu tại Ổ chứa dữ liệu dạng thanh nhớ: Model A60/256GB, màu đen với tổng dung lượng là 238GB, gồm 121 file;

- Vương Thị Linh N1: Dữ liệu tại Ổ SSD HIKVISION 240GB, model HS-SSD-C100, số SN: 30091552184, số F/A: HRM006N2 với tổng dung lượng là 223GB, 116 file

- Đoàn Anh Đ: Dữ liệu tại (1)Ổ HDD Western digital, dung lượng 1TB, số SN: WCC6Y7VJSPP2, số MDL: WD10EZEX-08WWN4A0, vỏ màu bạc: Chưa thực hiện tạo bản ảnh và (2) Ổ SSD Kingston, dung lượng 120GB, số SA400S37/120GB, vỏ màu đen với tổng dung lượng là 111GB, gồm 60 file;

- Bùi Viết T: Dữ liệu tại (1)Ổ HDD Seagate, dung lượng 1TB, số SN: ZN1PRD0A, số PN 2EP102-504 với tổng dung lượng là 931 GB gồm 467 file và tại (2)ổ dữ liệu HDD, dung lượng 1TB, R/N 800066 được tháo ra từ máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu đen với dung lượng 17,3GB, 10 file;

* Thu dữ liệu từ ổ cứng máy của những người liên quan:

- Nguyễn Hữu Q, Trưởng phòng Tổng hợp: Dữ liệu tại ổ HDD Seagate, dung lượng 1TB, số SN: Z9AYYGSV, số PN: 1SB102-022, vỏ màu bạc: Đã tạo bản ảnh của ổ cứng với tổng dung lượng là 931GB, gồm 472 file;

- Nguyễn Xuân T1, Đội trưởng đội quản lý vận hành số A: Dữ liệu tại ổ (1)HDD Seagate, dung lượng 1TB, số SN: ZN1PS234, số PN: 2EP102-504, vỏ màu bạc: Đã tạo bản ảnh của ổ cứng với tổng dung lượng là 931GB, 470 file và ổ (2) SSD Vaseky, dung lượng 120GB, số S/N:19V06W42789, vỏ màu đen;

* Trích xuất và thu dữ liệu điện tử từ ổ cứng của bị cáo và những người liên quan nêu trên: Dữ liệu được trích xuất và lưu trữ tại 02 ổ cứng màu đen nhãn hiệu WD Elenment.

* T8 tài liệu từ tài khoản zalo: 05 tập tài liệu được in ra từ tài khoản zalo của Bùi Viết T; 05 tập tài liệu được in ra từ tài khoản zalo của Nguyễn Hữu Q;

* Tài liệu A1 Chi nhánh huyện K cung cấp: Sao kê tài khoản số 3006205039388 từ ngày 10/02/20212 đến 04/11/2023 của Bùi Văn P2.

* Tài liệu B5 cung cấp: Sao kê tài khoản số 4551000777363636 và tài khoản số 45588000006666 của Trần Thanh B từ ngày 01/01/2019 đến 01/11/2023; sao kê tài khoản số 45566000268888 của Vương Thị Linh N1 từ ngày 06/12/2021 đến 04/7/2023.

* Tài liệu A1 Chi nhánh huyện C cung cấp: Sao kê tài khoản số 3010888881978 của Vũ Tiến D1 từ ngày 09/09/2021 đến 01/11/2023; sao kê tài khoản số 3010215000215 của Vương Thị Linh N1 từ ngày 31/12/2018 đến 01/11/2023; sao kê tài khoản số 301021500086 của Đoàn Anh Đ từ ngày

31/12/20218 đến 01/11/2023 và tài liệu gồm: Phiếu chi tiền sản xuất khác cùng S3 rút tiền và Giấy lĩnh tiền mặt.

4. Xử lý vật chứng:

4.1. Tạm giữ tiền khắc phục hậu quả của vụ án: Tổng cộng **1.007.020.000** đồng do gia đình các bị cáo nộp vài tài khoản tạm giữ số 3949.0.9030400 của Công an tỉnh H mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh H, gồm:

- Bị cáo Trần Thanh B: 920.000.000 đồng, do vợ là bà Đỗ Thị Thúy H nộp theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 30 tháng 10 năm 2023 và 24.000.000 đồng, do vợ là bà Đỗ Thị Thúy H nộp theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 19 tháng 04 năm 2024.

- Bị cáo Vũ Tiến D1: 50.000.000 đồng, do vợ là bà Nguyễn Thị Thanh H3 nộp theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 12 tháng 04 năm 2024.

- Bị cáo Vương Thị Linh N1: 13.020.000 đồng, do bà Võ Thị H4 nộp theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 29 tháng 01 năm 2024.

4.2. Những vật chứng, đồ vật, tài liệu gồm:

- Một (01) Ổ cứng Ổ SSD Kingston, dung lượng 240GB, số SA400S37/240GB, vỏ màu đen với tổng dung lượng là 223GB, chứa dữ liệu tại máy tính do bị cáo Trần Thanh B sử dụng;

- Một (01) Ổ chứa dữ liệu dạng thanh nhớ: Model A60/256GB, màu đen với tổng dung lượng là 238GB, chứa dữ liệu tại máy tính do bị cáo Vũ Tiến D1 sử dụng;

- Một (01) Ổ SSD HIKVISION 240GB, model HS-SSD-C100, số SN: 30091552184, số F/A: HRM006N2 với tổng dung lượng là 223GB, chứa dữ liệu tại máy tính do bị cáo Vương Thị Linh N1 sử dụng;

- Một (01) Ổ HDD Western digital, dung lượng 1TB, số SN: WCC6Y7VJSPP2, số MDL: WD10EZEX-08WWN4A0, vỏ màu bạc và Một (01) Ổ SSD Kingston, dung lượng 120GB, số SA400S37/120GB, vỏ màu đen với tổng dung lượng là 111GB, chứa dữ liệu tại máy tính do bị cáo Đoàn Anh Đ sử dụng;

- Một (01) Ổ HDD Seagate, dung lượng 1TB, số SN: ZN1PRD0A, số PN 2EP102-504 với tổng dung lượng là 931 GB và Một (01) ổ dữ liệu HDD, dung lượng 1TB, R/N 800066 được tháo ra từ máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu đen với dung lượng chứa dữ liệu tại máy tính do bị cáo Bùi Viết T sử dụng;

- Một (01) ổ HDD Seagate, dung lượng 1TB, số SN: Z9AYYGSV, số PN: 1SB102-022, vỏ màu bạc chứa dữ liệu tại máy tính do Nguyễn Hữu Q sử dụng;

- Một (01) ổ HDD Seagate, dung lượng 1TB, số SN: ZN1PS234, số PN: 2EP102-504, vỏ màu bạc và Một (01) ổ SSD Vaseky, dung lượng 120GB, số S/N:19V06W42789, vỏ màu đen chứa dữ liệu tại máy tính do Nguyễn Xuân T1 sử dụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh B phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và tội "Giả mạo trong công tác";

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thanh B 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ";

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 359; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 54; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thanh B 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Giả mạo trong công tác".

- Căn cứ điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc Trần Thanh B phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2023 đến ngày 15/3/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, bị cáo Trần Thanh B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo B giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo với xã hội cũng như nội dung kháng cáo của bị cáo và có quan điểm: Bản án sơ thẩm kết án bị cáo Trần Thanh B về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự và tội "Giả mạo trong công tác" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và áp dụng hình phạt với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo xuất trình thêm các tài liệu: Biên lai thu tiền tạm ứng án phí hình sự sơ thẩm; đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo ủng hộ 2.000.000 đồng tại Uỷ ban mặt trận tổ quốc huyện T, tỉnh Hòa Bình và 13 bình chữa cháy cứu hoả tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mới tại cấp phúc thẩm. Mặt khác, khi so sánh với hình phạt của 02 bị cáo là Vũ Tiến D1 và Vương Thị Linh N1 thì thấy hình phạt của bị cáo có phần nghiêm khắc bởi bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn, nộp phần lớn số tiền khắc phục hậu quả trong khi không có tư lợi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giảm cho bị cáo 06 - 12 tháng tù cho cả hai tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và tội "Giả mạo trong công tác".

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo phạm tội nhưng không có mục đích vụ lợi, mà vì sự phát triển chung của ngành điện lực và lợi ích của người dân sử dụng điện. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với Cơ quan tố tụng để vụ án sớm được kết thúc. Mặt khác, thời điểm bị cáo phạm tội là giai đoạn xã hội giãn cách do dịch Covid nên Điện lực Cao Phong thiếu nhân lực cả về kỹ thuật và thi công nên bị cáo phải chỉ đạo cấp dưới ký hợp đồng thuê nhân công bên ngoài, thực tế thời gian này nhiều đơn vị điện lực khác trong tỉnh đã không hoàn thành nhiệm vụ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán để miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo về tội "Giả mạo trong công tác" do phạm tội trong hoàn cảnh đặc biệt; bị cáo đã khắc phục gần như toàn bộ thiệt hại, đã nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, đóng góp 2.000.000 đồng cho Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện T và 13 bình chữa cháy cứu hoả tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình, được nhiều UBND cấp xã nơi Điện lực C thi công có đề nghị giảm nhẹ hình phạt. So sánh với các bị cáo khác trong vụ án thì bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát, của người bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Các cơ quan và người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo và các bị cáo khác trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong vụ án như vật chứng thu giữ, kết luận giám định, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo B giữ chức vụ Bí thư chi bộ, giám đốc Điện lực Cao Phong, là người đứng đầu đơn vị, chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Điện lực Cao Phong. Bị cáo đã chủ động trao đổi, bàn bạc với các bị cáo Bùi Văn T9, Đoàn Anh Đ để thống nhất về chủ trương lấy tiền sản xuất khác để thuê nhân công ngoài làm các công việc sửa chữa thường xuyên các hạng mục của Điện lực Cao Phong. Từ năm 2019 đến năm 2022, B đã thuê lao động phổ thông thực hiện các hạng mục công trình, hạng mục sửa chữa thường xuyên trái với quy định của Luật Điện lực, quy trình an

toàn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hướng dẫn của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc về thực hiện Quy trình an toàn điện. Bị cáo đã chỉ đạo T9 và Đ tạo lập các tài liệu có nội dung giả, phản ánh không đúng thực tế công nhân thi công thi công tại hiện trường đối với 08 công trình san tải T10; 06 công trình nâng cao trình đường dây 35KV; 03 công trình thay dây hạ áp; 14 công trình thay hòm công tơ bằng hòm công tơ điện tử; 12 công trình thay thế thiết bị để báo cáo về Công ty Điện lực Hòa Bình. Để có tiền chi trả cho lao động phổ thông thực hiện các công trình, hạng mục sửa chữa thường xuyên, để có tiền chi trả cho lao động phổ thông thực hiện các công trình, hạng mục sửa chữa thường xuyên, trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2023, bị cáo đã chỉ đạo kế toán Vũ Tiến D1, thủ quỹ Vương Thị Linh N1 giữ lại toàn bộ số tiền 1.352.065.000 đồng là tiền Công ty Điện lực Hòa Bình phân bổ để chi trả cho cán bộ công nhân Điện lực Cao Phong tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động dịch vụ sản xuất khác; trong đó từ năm 2019 đến hết tháng 6/2022, Trần Thanh B chỉ đạo Vũ Tiến D1 và Vương Thị Linh N1 lập 31 phiếu chi tiền mặt để rút và "giữ tiền thay thủ quỹ", tự ý quyết định việc sử dụng số tiền 975.081.000 đồng chi trả cho lao động phổ thông làm các công trình của Điện lực Cao Phong trái với quy định, gây thiệt hại cho cán bộ, công nhân viên Điện lực Cao Phong. Trong đó có số tiền 23.868.015 đồng, B sử dụng để chi trả tiền nhân công cho các công trình B nhận làm ngoài Điện lực Cao Phong.

[4] Bị cáo và các đồng phạm đã có hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn làm trái với chức năng, nhiệm vụ của mình, chi nguồn tài chính sai mục đích, không đúng đối tượng; làm giả nhiều loại giấy tờ tài liệu trong hoạt động sửa chữa thường xuyên các công trình của Điện lực Cao Phong, làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tổ chức, làm mất uy tín của tổ chức Đảng, đoàn thể, suy giảm lòng tin của công nhân và người lao động và gây thiệt hại cho lợi ích của tổ chức và cá nhân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là trái quy định của Nhà nước và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Trần Thanh B về tội: "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 356 và tội "Giả mạo trong công tác" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo đề nghị được hưởng án treo của bị cáo:

Bị cáo phạm nhiều tội và bị xét xử cùng trong vụ án nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Nghị quyết hướng dẫn về Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao. Do đó nội dung kháng cáo này của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đã đánh giá vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án và quyết định mức hình phạt đối với bị cáo B là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo cho rằng không có mục đích vụ lợi cá nhân mà thực những hành vi đó vì sự phát triển chung của ngành điện lực, phục vụ nhu cầu của người dân sử dụng điện. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, đóng góp 2.000.000 đồng cho Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện T và hỗ trợ 13 bình cứu hoả cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình; bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, D, Ngọc U, B, Tứ N3; Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó quan điểm của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo để giảm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, bị cáo Trần Thanh B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo của bị cáo Trần Thanh B về việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Sửa quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 13 tháng 08 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình như sau: Tuyên bố bị cáo Trần Thanh B phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và tội "Giả mạo trong công tác".

1.1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thanh B 24 tháng tù về tội: "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ";

1.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 359; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thanh B 12 tháng tù về tội "Giả mạo trong công tác".

1.3. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt cho cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 10 năm 2023 đến ngày 15 tháng 3 năm 2024.

2. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Thanh B về việc đề nghị được hưởng án treo.

3. Về án phí:

- Ghi nhận bị cáo Trần Thanh B đã nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0002864 ngày 20 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hoà Bình. Bị cáo đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Thanh B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hoà Bình;*
- *VKSND tỉnh Hoà Bình;*
- *Công an tỉnh Hoà Bình;*
- *Cục THADS Hoà Bình;*
- *Bị cáo (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, PHCTP*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Hải Thanh